



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ

3

Tháng 2 - 2012

Hội nghị tổng kết hoạt động năm 2011 và phương hướng kế hoạch năm 2012 của Ban chỉ đạo Trung ương về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2012



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải - Trưởng ban chỉ đạo TW về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản chủ trì Hội nghị



Ông Phạm Trung Tuyến - Chánh Văn phòng Ban chỉ đạo TW về chính sách nhà ở và thị trường bất động sản báo cáo tại Hội nghị

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI BA

3

SỐ 3 - 2/2012



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : 8.215.137 - 8.215.138

FAX : (04)9.741.709

Email: citc_bxd@hn.vnn.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước 5
- Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tham vấn cộng đồng doanh nghiệp về các thỏa thuận thương mại quốc tế 6
- Quyết định số 125/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030 7
- Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Nam Phú Yên – Bắc Khánh Hòa đến năm 2025 8
- Quyết định số 170/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025 9

Văn bản của địa phương

- Quyết định số 359/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa 10
- Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa 12

CHIU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

TS. ĐẶNG KIM GIAO

Ban biên tập:

THS.KTS.NGUYỄN HÙNG OANH

(Trưởng ban)

CN.BẠCH MINH TUẤN (Phó ban)

KS.HUYỀN PHƯỚC

CN.ĐỖ KIM NHẬN

CN.BÙI QUỲNH ANH

CN.TRẦN THU HUYỀN

CN.NGUYỄN BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN LỆ MINH

CN. PHẠM KHÁNH LY

Khoa học công nghệ xây dựng

- Hội nghị triển khai xây dựng Chiến lược phát triển khoa học công nghệ ngành Xây dựng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 14
- Hội thảo “Tăng cường quản lý chất lượng và an toàn xây dựng” 15
- Cuộc họp lần thứ II của Ban điều phối Dự án Tăng cường năng lực đảm bảo chất lượng xây dựng 16
- Vật liệu gỗ góp phần tạo ra sự phát triển bền vững 19
- Công nghệ làm lạnh VRF - Công nghệ mới nhằm giảm việc tiêu hao năng lượng của hệ thống nhiệt, thông gió và điều hoà không khí (HVAC) 21
- Thành phố Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc tăng cường công tác quản lý, giám sát việc cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung 25
- Một số giải pháp tăng cường quản lý xây dựng đối với ngành Xây dựng Trung Quốc hiện nay 27
- Đặc điểm, mô hình thay đổi bố cục không gian các đô thị vừa và nhỏ 29

Thông tin

- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp Chủ tịch Tập đoàn Nikken Seikkei Nhật Bản 33
- Lễ Phát động Phong trào thi đua liên kết xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu 34
- Hội nghị tổng kết hoạt động năm 2011, phương hướng kế hoạch năm 2012 của Ban chỉ đạo Trung ương về Chính sách nhà ở và Thị trường bất động sản 35
- Phát triển nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội 37
- Thái Bình hoàn thành công tác quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới trên toàn tỉnh 39
- Phục vụ đồng bộ, hoàn thiện thể chế quản lý nhà ở cho thuê - kinh nghiệm của thành phố Ninh Ba, Trung Quốc 40
- Các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia và kiến trúc của các đô thị toàn cầu 42



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chỉ thị số 03/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước

Ngày 17/01/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-TTg về việc đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Chỉ thị nêu rõ, trong mười năm qua, đổi mới doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là công tác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quan tâm chỉ đạo thường xuyên và đã đạt được những kết quả quan trọng.

Thể chế, cơ chế quản lý DNNN và chuyển đổi DNNN được ban hành khá đồng bộ. DNNN giảm về số lượng, nhưng doanh nghiệp trong những ngành, lĩnh vực quan trọng thì quy mô vốn tăng lên, hiệu quả hoạt động tốt hơn, cơ bản thực hiện được vai trò nòng cốt của kinh tế nhà nước, làm công cụ vật chất để Nhà nước định hướng và điều tiết kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế và tạo nền tảng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều DNNN hoạt động trong những lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ. Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước chưa phải chỉ tập trung vào những ngành, lĩnh vực kinh doanh chính. Hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sức cạnh tranh của DNNN chưa tương xứng với nguồn lực được giao; quản trị doanh nghiệp chưa theo kịp yêu cầu phát triển trong cơ chế thị trường. Việc quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN còn bất cập.

Quán triệt các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, nhiệm vụ đặt ra trong năm 2011-2015 là phải đẩy mạnh tái cơ cấu DNNN nhằm tạo ra khu vực DNNN có cơ cấu hợp lý, hiệu quả và sức cạnh tranh cao hơn, thực hiện

tốt vai trò và nhiệm vụ được giao. Thủ tướng Chính phủ chỉ thị các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước tập trung hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách đối với DNNN; đồng thời tạo hành lang pháp lý thuận lợi hơn cho đổi mới tổ chức hoạt động, quản lý, sắp xếp, chuyển đổi sở hữu DNNN; trong quý I năm 2012, các Bộ trình Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền.

Các Bộ quản lý ngành kinh tế, kỹ thuật cần rà soát, đánh giá tính hợp lý, khả năng, điều kiện, cách thức tổ chức lại, từ đó xây dựng đề án tái cơ cấu đối với DNNN hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước của mình, không phân biệt cấp, cơ quan quản lý trong quý I năm 2012 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để triển khai thực hiện tạo ra chuyển biến căn bản về sắp xếp DNNN.

Trong tháng 1 năm 2012 các Bộ, địa phương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước phải hoàn thành phê duyệt phương án sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa DNNN. Trong quý I năm 2012, các Bộ quản lý ngành và tập đoàn kinh tế, tổng công ty 91 trình Thủ tướng Chính phủ, tổng công ty 90 và doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trình Bộ quản lý ngành, UBND tỉnh, thành phố phê duyệt phương án tái cơ cấu từng tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước, doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện. Trong đó, cần chú ý cơ cấu lại ngành, nghề kinh doanh tập trung vào ngành, nghề kinh doanh chính và nhiệm vụ được giao; chiến lược phát triển giai đoạn 2011 – 2015 có tính

đến năm 2020; phương án tổ chức lại sản xuất, kinh doanh; kế hoạch đầu tư phát triển; tái cơ cấu các đơn vị thành viên và nguồn nhân lực; kế hoạch thoái vốn đã đầu tư ra ngoài ngành kinh doanh chính theo các hình thức bán vốn, chuyển vốn, chuyển giao doanh nghiệp.

Các Bộ, ngành, địa phương khẩn trương thực hiện chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại các doanh nghiệp đã cổ phần hóa hoặc chuyển đổi thuộc đối tượng chuyển giao cho Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước; nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chuyển vốn nhà

nước tại một số công ty mẹ, tổng công ty đã cổ phần hóa sang Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Nội vụ phối hợp với các Bộ được giao làm đại diện chủ sở hữu nhà nước tại nhiều doanh nghiệp 100% vốn nhà nước nghiên cứu việc thành lập một đầu mối thuộc Bộ để tham mưu, giúp việc cho lãnh đạo Bộ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với DNNN.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc tham vấn cộng đồng doanh nghiệp về các thỏa thuận thương mại quốc tế

Ngày 20/01/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 06/QĐ-TTg về việc tham vấn cộng đồng doanh nghiệp về các thỏa thuận thương mại quốc tế. Tại Quyết định này, Thủ tướng quy định quyền hạn, trách nhiệm, phạm vi tham vấn giữa cơ quan chủ trì đàm phán và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình chuẩn bị và tiến hành đàm phán các thỏa thuận thương mại quốc tế. Việc tham vấn cung cấp và thu nhận thông tin được phép tiến hành khi cấp có thẩm quyền quyết định khởi động giai đoạn nghiên cứu khả thi về đàm phán thỏa thuận thương mại quốc tế với đối tác tiềm năng.

Theo Quyết định này, cơ quan chủ trì đàm phán có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, xử lý thông tin và nghiên cứu ý kiến góp ý của cộng đồng doanh nghiệp và có nghĩa vụ xác nhận việc đã tiếp nhận ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp qua thư điện tử hoặc trên trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì đàm phán. Trong trường hợp cần thiết, nếu việc cung cấp thông tin có thể gây ảnh hưởng đến quá trình đàm phán, cơ quan chủ trì đàm phán xem xét hình thức, mức độ và thời điểm phù hợp để thực hiện việc

công bố thông tin tới cộng đồng doanh nghiệp.

Cộng đồng doanh nghiệp trong giai đoạn đàm phán có quyền tham gia ý kiến, đề xuất các vấn đề liên quan đến phương án và nội dung đàm phán hoặc các yêu cầu cần phải đặt ra cho đối tác hoặc cần lưu ý trong quá trình đàm phán. Cộng đồng doanh nghiệp không tham gia vào quá trình đàm phán trừ khi các bên tham gia đàm phán có thỏa thuận khác.

Trong trường hợp cần thiết, cơ quan chủ trì đàm phán có thể tiến hành tham vấn trong phạm vi hẹp một hoặc nhiều nội dung đàm phán cụ thể với doanh nghiệp hoặc các cơ quan, tổ chức đại diện cho doanh nghiệp. Trong mọi trường hợp, hoạt động tham vấn phải bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật quốc gia.

Kinh phí cho việc thực hiện Quyết định này của cơ quan chủ trì đàm phán được cấp từ ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ thường xuyên của cơ quan đó.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/03/2012.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 125/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030

Ngày 02/02/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 125/QĐ-TTg phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy, tỉnh Hà Giang đến năm 2030 trong phạm vi ranh giới hành chính 07 xã: Thanh Thủy, Phương Tiến, Thanh Đức, Xín Chải, Lao Chải, Phong Quang thuộc huyện Vị Xuyên và Phương Độ thuộc thành phố Hà Giang. Diện tích toàn Khu kinh tế là 28.781 ha.

Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy là khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực bao gồm: Thương mại – Dịch vụ - Du lịch – Công nghệ - Nông lâm nghiệp, tạo thành khu vực thu hút đầu tư và hội nhập quốc tế. Đồng thời đây cũng là cửa ngõ giao thương quốc tế, đầu mối giao thông, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh quan trọng, là cầu nối giữa tỉnh Vân Nam, Trung Quốc với miền Bắc Việt Nam và hành lang biển Đông, giữa các nước ASEAN và với các nước Đông Bắc Á. Khu kinh tế được coi là trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội, du lịch có cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại; là khu vực phát triển bền vững, gắn phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh, quốc phòng, có môi trường sinh thái bền vững.

Theo Quyết định này, phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy cần phải đảm bảo phát huy bản sắc cảnh quan, kiến trúc truyền thống địa phương, nhấn mạnh yếu tố mặt nước, cảnh quan núi rừng. Hạn chế tối đa san ủi, giữ môi trường thiên nhiên trong khu vực; Kết nối với thành phố Hà Giang trong một tổng thể không gian thống nhất dựa trên hệ thống khung giao thông liên kết chặt chẽ, các khu chức năng bổ trợ lẫn nhau, cùng nhau phát triển; Phát triển các khu vực xây dựng tập trung tại một số điểm có

quỹ đất tương đối lớn, có đủ quy mô để hội tụ thành các khu chức năng hoạt động hiệu quả.

Đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy tập trung phát triển khu trung tâm giao lưu kinh tế tại cửa khẩu Thanh Thủy và cửa khẩu Lao Chải; phát triển các trục không gian chính bao gồm trục hành lang Bắc Nam là quốc lộ 2, trục hành lang Đông Tây là quốc lộ 4, các trục liên kết là đường từ khu vực Lao Chải, Xín Chải về thành phố Hà Giang.

Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy được phân thành 07 khu chức năng chính gồm: Khu trung tâm dịch vụ thương mại cửa khẩu Thanh Thủy với quy mô đất xây dựng khoảng 440 – 450 ha, dân số khoảng 6000 đến 6500 người, mục tiêu phát triển Khu trung tâm đạt tiêu chí đô thị loại IV; Khu trung tâm dịch vụ thương mại cửa khẩu Lao Chải với quy mô đất xây dựng khoảng 150 – 200 ha, dân số khoảng 2.800 – 3.200 người, mục tiêu phát triển Khu trung tâm đạt tiêu chí đô thị loại V; Khu trung tâm Xín Chải là trung tâm dịch vụ du lịch gắn với Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang, đặt tại trung tâm xã Xín Chải hiện hữu, với quy mô đất xây dựng 40 – 50 ha, dân số khoảng 1.000 – 1.200 người; Khu trung tâm Thanh Đức là khu chức năng hỗ trợ các hoạt động sản xuất, tiểu thủ công nghiệp, kho tàng bến bãi của khu kinh tế, đặt tại trung tâm xã Thanh Đức hiện hữu, với quy mô đất xây dựng 40 – 50 ha, dân số khoảng 1.000 đến 1.500 người; Khu trung tâm Phương Độ tập trung phát triển đô thị du lịch sinh thái gắn với những giá trị cảnh quan và văn hóa dân tộc đặc sắc của địa phương, định hướng trở thành khu đô thị thuộc thành phố Hà Giang, với quy mô đất xây dựng khoảng 450 – 500 ha, dân số khoảng 8.000 –

10.000 người; Khu trung tâm Phương Tiến với quy mô đất xây dựng khoảng 330 - 350 ha, dân số khoảng 6.000 - 8.000 ha; Khu trung tâm Phong Quang đặt tại thung lũng Phong Quang, với quy mô đất xây dựng khoảng 1.150 - 1.200 ha, dân số khoảng 7.000 - 8.000 người.

Ngoài các khu chức năng chính ra, Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy còn phát triển các khu chức năng hỗ trợ khác gồm: Khu du lịch sinh thái suối Làng Pinh; Khu du lịch sinh thái cộng đồng suối Sừ; Khu du lịch sinh thái cộng đồng suối Nậm Tha; Các khu, cụm, điểm du lịch gắn với hệ sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Phong Quang; Các vùng nguyên liệu nông, lâm sản; Các làng bản phân tán trong khu vực.

Theo quy định tại Đồ án Quy hoạch này thì các khu vực có mật độ xây dựng cao (40-50%) gồm các khu vực tập trung nhiều chức năng nhưng có quy đất xây dựng, điều kiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật hạn chế; Các khu vực có mật độ xây dựng trung bình (30-40%) là các khu vực đô thị dự kiến phân bố nhiều dân cư trong quỹ đất xây dựng đã được giới hạn; Các khu vực có mật độ xây dựng thấp (20-30%) là các khu vực không phân bố nhiều dân cư, có cảnh quan môi trường đồi núi cây xanh tự nhiên, ít bị ảnh hưởng bởi quá trình phát triển xây dựng; Các khu vực có mật độ xây dựng rất thấp (5-10%) là các khu vực làng bản, khu trang trại sinh thái, vùng nguyên liệu nông lâm sản kết hợp du lịch phân tán trong vùng đệm Khu bảo tồn thiên nhiên Tây Côn Lĩnh.

Trong nội dung đồ án còn tập trung quy hoạch lại hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng cho thuận lợi với việc phát triển của khu kinh tế. Nhiệm vụ là nâng cấp, cải tạo kết hợp với xây dựng mới hệ thống giao thông kết nối liên vùng, tổ chức các nút giao thông cùng mức kết nối liên thông giữa đường bộ đối ngoại với mạng lưới đường chính của Khu kinh tế, xây dựng hệ thống giao thông trong các khu chức năng chính của Khu kinh tế theo quy định chi tiết được phê duyệt; Quy hoạch thoát nước mưa được thiết kế cho từng khu vực riêng biệt, từng lưu vực. Các khu chức năng mới, xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng biệt, các khu dân cư mật độ không cao, xây dựng hệ thống thoát chung với nước thải. Các giải pháp cụ thể bao gồm: nạo vét mở rộng lòng các khe suối, cải tạo mở rộng khẩu độ cầu, cống hiện có, xây dựng mạng lưới đường ống đồng bộ tại các khu chức năng, di dân ra khỏi khu vực bị ảnh hưởng lũ quét và trượt lở, ổn định nền xây dựng tạo taluy mái dốc và kè bờ chống sạt lở bảo đảm cảnh quan. Quy hoạch hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc toàn khu vực. Trong đó chú ý đến các giải pháp giám sát, giảm thiểu tác động và bảo vệ môi trường.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Nam Phú Yên – Bắc Khánh Hòa đến năm 2025

Ngày 02/02/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 127/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Nam Phú Yên – Bắc Khánh Hòa đến năm 2025 với phạm vi quy hoạch gồm 3 huyện phía Nam của tỉnh Phú Yên: Sông Hinh, Đồng Hòa, Tây Hòa và 2

huyện phía Bắc của tỉnh Khánh Hòa: Vạn Ninh và Ninh Hòa. Tổng diện tích tự nhiên của vùng khoảng 351.500 ha.

Vùng Nam Phú Yên – Bắc Khánh Hòa được coi là vùng kinh tế tổng hợp đóng vai trò động lực của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ, có

tiềm năng lớn về phát triển kinh tế biển; là cửa ngõ giao thông về đường bộ, đường thủy và hàng không của khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Đây cũng là vùng lưu trữ bảo tồn bản sắc văn hóa và các di tích lịch sử gắn liền với các cuộc kháng chiến giữ nước, và địa thế khu vực có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về quốc phòng an ninh của quốc gia.

Theo Quyết định này, quy hoạch xây dựng – phát triển không gian vùng Nam Phú Yên – Bắc Khánh Hòa sẽ phân theo vùng phát triển, trục kinh tế động lực chính; phát triển hệ thống đô thị, dân cư nông thôn, dịch vụ hạ tầng xã hội; phát triển công nghiệp; phát triển hệ thống du lịch.

Phát triển hệ thống đô thị, dân cư nông thôn và dịch vụ hạ tầng xã hội gồm: Hệ thống đô thị Nam Phú Yên; Hệ thống đô thị Bắc Khánh Hòa; Hệ thống các điểm dân cư nông thôn được bố trí trên cơ sở các định hướng về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế toàn vùng cũng như hiện trạng phân bố dân cư. Địa điểm xây dựng các điểm dân cư nông thôn phải thuận tiện trong kết nối giao thông với các tuyến đường liên xã liên vùng, phù hợp với tập quán sinh hoạt và sản xuất, đáp ứng yêu cầu sinh sống và sản xuất của người dân; Tại hai khu kinh tế Nam Phú Yên và Vân Phong cần xây dựng các trung tâm dịch vụ thương mại – dịch vụ quy mô lớn nhằm phục vụ nhu cầu của các khu kinh tế và khu vực lân cận. Tại các đô thị tiểu vùng như Ninh Hòa, Ninh Sim, Hai Riêng xây dựng các trung tâm thương mại đầu mối với vai trò phân

luồng, điều hòa phân phối hàng hóa trong vùng và các khu vực lân cận.

Tổ chức không gian vùng công nghiệp gồm: Vùng công nghiệp Nam Phú Yên và vùng công nghiệp Bắc Khánh Hòa.

Không gian du lịch sinh thái biển bố trí tại dải ven biển thuộc Đầm Môn, Dốc Lết; Không gian du lịch sinh thái rừng núi gắn liền với vùng bảo tồn thiên nhiên Krôngtrai; Không gian du lịch văn hóa – lịch sử bố trí ở khu vực Vạn Giã, khu vực Núi Đá Bia, vịnh Vũng Rô; các khu du lịch suối khoáng nóng và hồ thủy điện sẽ tập trung ở vùng phía tây cùng các điểm du lịch rải rác trên địa bàn.

Hệ thống giao thông liên vùng, nội vùng, đường thủy, giao thông đô thị cũng được quy hoạch chi tiết cho từng vùng. Ngoài ra hạ tầng kỹ thuật vùng cũng được chú trọng quy hoạch như hệ thống cấp điện, cấp nước, hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường, hệ thống thu gom xử lý chất thải rắn,...

Quy hoạch này cũng xác định rõ các chương trình dự án ưu tiên đầu tư là các dự án công nghiệp động lực phát triển vùng và các dự án phát triển hạ tầng khung vùng. Trong đó có Khu kinh tế Vân Phong và Khu kinh tế Nam Phú Yên là hạt nhân, trung tâm phát triển vùng.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Quyết định số 170/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025

Ngày 08/02/2012 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 170/QĐ-TTg Phê duyệt Quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đến năm 2025. Quy hoạch này thực hiện trên phạm vi toàn quốc đối với chất thải rắn y tế nguy hại (không bao gồm

chất thải phóng xạ và chất thải từ cơ sở sản xuất dược phẩm).

Yêu cầu quy hoạch phải phù hợp với Chiến lược quốc gia về quản lý chất thải rắn đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Quy hoạch tổng thể

phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 tầm nhìn đến 2020 và Quy hoạch mạng lưới khám chữa bệnh đến năm 2010 tầm nhìn đến năm 2020. Ngoài ra Quy hoạch này có phải gắn với quy hoạch khu xử lý chất thải rắn vùng liên tỉnh, vùng tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo tập trung thu gom, cô lập, giảm thiểu chất thải rắn y tế nguy hại tại nguồn và xử lý triệt để nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, tiết kiệm đất; Áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn y tế tiên tiến, thân thiện với môi trường và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

Mục tiêu của Quy hoạch là nhằm nâng cao hiệu quả quản lý chất thải rắn y tế nguy hại, cải thiện chất lượng môi trường, đảm bảo sức khỏe cộng đồng và góp phần vào sự nghiệp phát triển bền vững đất nước. Đảm bảo các cơ sở xử lý chất thải rắn y tế nguy hại được đầu tư xây dựng phải gắn liền với các khu xử lý chất thải rắn vùng liên tỉnh, vùng tỉnh và tại các cơ sở y tế nhằm thu gom, xử lý triệt để bằng những công nghệ tiên tiến, phù hợp.

Phần đầu giai đoạn đến năm 2015 thì 100% lượng chất thải rắn y tế nguy hại tại các cơ sở y tế được thu gom, phân loại và vận chuyển đến các cơ sở xử lý, trong đó 70% lượng chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường. Giai đoạn đến năm 2025 thì 100% lượng chất thải rắn y tế nguy hại tại

các cơ sở y tế được thu gom, vận chuyển và xử lý đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường.

Trên cơ sở công tác quản lý chất thải rắn y tế nguy hại trong Quy hoạch đưa ra 3 mô hình xử lý chất thải rắn y tế nguy hại gồm: Mô hình xử lý tập trung là các chất thải rắn y tế nguy hại được xử lý tập trung tại cơ sở xử lý chất thải y tế nguy hại được xây dựng trong các khu xử lý chất thải rắn vùng liên tỉnh hoặc vùng; Mô hình xử lý theo cụm bệnh viện có nghĩa là các chất thải rắn y tế nguy hại của các bệnh viện có khoảng cách vận chuyển hợp lý được xử lý tại cơ sở xử lý chất thải rắn y tế nguy hại đặt tại bệnh viện nằm ở trung tâm cụm bệnh viện; Mô hình xử lý tại các cơ sở y tế có nghĩa là chất thải y tế nguy hại được xử lý ngay tại cơ sở y tế có công nghệ xử lý phù hợp đảm bảo các quy chuẩn về vệ sinh môi trường.

Nguồn vốn để đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở xử lý chất thải rắn y tế nguy hại và các công trình phụ trợ là lấy từ: Nguồn vốn ngân sách; Nguồn vốn ODA, vốn tài trợ nước ngoài; Vốn vay dài hạn; Vốn từ các nhà đầu tư trong và ngoài nước; Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Quyết định số 359/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Ngày 03/02/2012 UBND tỉnh Thanh Hóa đã ra Quyết định số 359/2012/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất

để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Quy chế này áp dụng cho các đối tượng là Tổ chức kinh

tế, hộ gia đình, cá nhân trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có thu tiền thuê đất theo quy định của Luật Đất đai có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư hoặc làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc đối tượng được Nhà nước cho thuê đất theo quy định của Luật Đất đai có nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư hoặc làm nhà ở theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; Đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản: Đối tượng tham gia đấu giá là doanh nghiệp hoặc Hợp tác xã có vốn pháp định đăng ký kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật.

Quy chế này cũng quy định rõ, để được tham gia đấu giá thì tổ chức hoặc cá nhân phải có đủ điều kiện về vốn và kỹ thuật hoặc khả năng tài chính. Đối với tổ chức kinh tế phải có đủ vốn và kỹ thuật để thực hiện dự án hoặc phương án đầu tư theo quy định của pháp luật. Đối với hộ gia đình, cá nhân phải có đủ điều kiện về khả năng tài chính để thực hiện dự án hoặc phương án đầu tư theo quy định của pháp luật. Trường hợp đấu giá đất đã chia lô (thửa) làm nhà ở của hộ gia đình, cá nhân thì hộ gia đình, cá nhân tham gia đấu giá không cần điều kiện này.

Trong một gói đấu giá: Một hộ gia đình chỉ được một cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia đấu giá; một tổ chức chỉ được một đơn vị tham gia đấu giá; trường hợp có 02 (hai) doanh nghiệp trở lên thuộc cùng một tổng công ty thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá; Tổng công ty với công ty thành viên, công ty mẹ và công ty con, doanh nghiệp liên doanh với một bên góp vốn trong liên doanh thì chỉ được một doanh nghiệp tham gia đấu giá. Trường hợp liên danh đứng tên chung tham gia đấu giá, các nhà đầu tư phải có văn bản thỏa

thuận, cam kết vốn tham gia trong liên danh, quy định rõ người đứng đầu của liên danh, trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

Quỹ đất dùng để thực hiện đấu giá bao gồm: Đất sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng nhà ở của hộ gia đình, cá nhân; Đất sử dụng vào mục đích đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê, bao gồm cả đất ở xen cư (trừ trường hợp đất xây dựng nhà chung cư cao tầng cho công nhân làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế; nhà ở cho hộ nghèo, gia đình chính sách, nhà ở phục vụ tái định cư, nhà ở sinh viên); Đất sử dụng vào mục đích thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê; Quỹ đất để tạo vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; Đất sử dụng vào mục đích làm mặt bằng xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh; đất sử dụng vào mục đích xây dựng trụ sở của doanh nghiệp; Đất sử dụng vào mục đích thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; Đất giao hình thức khác nay chuyển nhượng sang giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc chuyển mục đích sử dụng đất (trừ trường hợp không thay đổi chủ sử dụng đất); Đất cho thuê bao gồm cả cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối; Đất cho thuê để thực hiện dự án xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê do người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài thực hiện; Các trường hợp khác do UBND tỉnh quyết định.

Đất dùng để đấu giá là đất đã có quy hoạch sử dụng đất chi tiết hoặc kế hoạch sử dụng đất chi tiết hoặc đã có quy hoạch xây dựng chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật về đất đai, xây dựng. Trong trường hợp chưa có quy hoạch sử dụng đất chi tiết hoặc kế hoạch sử dụng đất chi tiết, quy hoạch xây dựng chi tiết thì thực hiện

theo chỉ đạo của UBND tỉnh đối với từng thửa đất cụ thể. Đối với đất sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê; đất đầu tư xây dựng hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê; đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh; đất sử dụng vào mục đích thực hiện dự án sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối: Phải có quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, khu dân cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trong đó xác định rõ chức năng sử dụng đất, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, yêu cầu về kiến trúc, cảnh quan và các thông số kỹ thuật hạ tầng khác).

Việc đấu giá quyền sử dụng đất được thực

hiện theo nguyên tắc công khai, khách quan, trung thực, bình đẳng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên tham gia, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật. Mọi cuộc đấu giá quyền sử dụng đất đều phải do đấu giá viên điều hành cuộc đấu giá theo đúng trình tự, thủ tục quy định, trừ trường hợp đặc biệt quy định tại Điều 20, Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/03/2010 của Chính phủ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.thanhhoa.gov.vn)

Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Ngày 30/01/2012 UBND tỉnh Khánh Hòa đã ra Quyết định số 03/2012/QĐ-UBND ban hành Quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức trong nước, cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quy định này áp dụng cho Tất cả các tổ chức sử dụng đất, sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa bao gồm: cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội -

nghề nghiệp; tổ chức kinh tế, tổ chức kinh tế - xã hội; tổ chức sự nghiệp công; đơn vị vũ trang nhân dân; cơ sở tôn giáo; người Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện dự án đầu tư; tổ chức, cá nhân nước ngoài và các tổ chức khác theo quy định của Chính phủ. Các cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, cơ quan quản lý nhà nước về nhà ở và công trình xây dựng, cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước khác có liên quan.

Theo Quy định này Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp cho người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất theo

từng thửa đất. Trường hợp người sử dụng đất đang sử dụng nhiều thửa đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối tại cùng một xã, phường, thị trấn mà có yêu cầu thì được cấp một Giấy chứng nhận chung cho các thửa đất đó.

Đối với thửa đất có nhiều người sử dụng đất, nhiều chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất thì Giấy chứng nhận được cấp cho từng người sử dụng đất, từng chủ sở hữu nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất. Giấy chứng nhận

được trao cho người được cấp sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định (trừ trường hợp không phải nộp hoặc được miễn hoặc được ghi nợ theo quy định của pháp luật); trường hợp Nhà nước cho thuê đất thì Giấy chứng nhận được cấp sau khi người sử dụng đất đã ký hợp đồng thuê đất và đã thực hiện nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng đã ký kết.

(Xem toàn văn tại: www.khanhhoa.gov.vn)

Hội nghị triển khai xây dựng Chiến lược phát triển khoa học công nghệ ngành Xây dựng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Sáng ngày 10/2/2012 tại Bộ Xây dựng đã diễn ra Hội nghị triển khai xây dựng Chiến lược phát triển khoa học công nghệ (KHCN) ngành Xây dựng đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030. Đồng chí Nguyễn Thanh Nghị, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có đại diện lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện của Bộ Xây dựng, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng, Tập đoàn Công nghiệp Xây dựng Việt Nam, Tập đoàn Phát triển nhà và đô thị Việt Nam, các chuyên gia trong các lĩnh vực ngành Xây dựng.

Theo Báo cáo của TS. Nguyễn Trung Hòa - Vụ trưởng Vụ KHCN và Môi trường Bộ Xây dựng, nội dung xây dựng Chiến lược bao gồm: Điều tra, đánh giá thực trạng việc thực hiện các mục tiêu của "Chiến lược phát triển KHCN ngành Xây dựng đến năm 2010, tầm nhìn 2020" được phê duyệt năm 2000 và thu thập thông tin, dự báo xu hướng phát triển, đề xuất mục tiêu và các giải pháp, xây dựng kế hoạch và nguồn lực, tổ chức phân công thực hiện "Chiến lược phát triển KHCN ngành Xây dựng đến năm 2020, tầm nhìn năm 2030".

Theo TS. Nguyễn Trung Hòa, KHCN là động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội và được lãnh đạo Bộ Xây dựng hết sức quan tâm. Quan 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển KHCN ngành Xây dựng, đã đến lúc cần đánh giá lại việc thực hiện Chiến lược, đồng thời bổ sung Chiến lược cho phù hợp với yêu cầu hiện nay. Các lĩnh vực KHCN cần tập trung nghiên cứu trong Chiến lược bao gồm: Công nghệ xây dựng (công nghệ khảo sát, đo đạc; công nghệ thi công xây lắp; kỹ thuật kết cấu và nền móng; công nghệ kiểm tra chất lượng...); Công nghệ



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu chỉ đạo Hội nghị

sản xuất vật liệu xây dựng; Công nghệ cơ khí (chế tạo máy móc, trang thiết bị xây dựng và dây chuyền sản xuất vật liệu xây dựng, xử lý môi trường; Công nghệ thông tin và tự động hóa xây dựng; Công nghệ hạ tầng kỹ thuật; Tiêu chuẩn hóa ngành Xây dựng (quy chuẩn, tiêu chuẩn, thiết kế điển hình và thiết kế mẫu, định mức, đơn giá).

Phát biểu tại Hội nghị, nhiều chuyên gia cho rằng, việc đánh giá thực trạng KHCN ngành Xây dựng hiện nay đang ở mức độ nào một cách trung thực và chính xác là hết sức cần thiết để từ đó xác định mục tiêu phát triển trong tương lai, tuy nhiên đây là một việc khó, đòi hỏi sự tập trung nhiều thời gian và công sức. Các đại biểu tham dự Hội nghị cũng nhất trí với kế hoạch tổ chức xây dựng Chiến lược, việc phân công các tiểu ban và thành viên ban soạn thảo do Vụ KHCN và Môi trường đề xuất.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đánh giá cao những phát biểu tâm huyết của các đại biểu dự Hội nghị, đồng thời chỉ đạo Vụ KHCN và Môi trường tiếp thu các ý kiến đóng góp để triển khai phù hợp trong quá trình xây dựng Chiến lược mới. Vụ

KHCN có kế hoạch làm việc cụ thể với các tiểu ban và các đơn vị tham gia soạn thảo Chiến lược về phân công nhiệm vụ, tiến độ thực hiện, đảm bảo tính khoa học trong đánh giá thực trạng, mục tiêu phát triển, phạm vi, đối tượng để

Chiến lược KHCN thực sự trở thành động lực cho sự phát triển của ngành Xây dựng./.

Minh Tuấn

Hội thảo

“Tăng cường quản lý chất lượng và an toàn xây dựng”

Ngày 09/2/2011, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Văn phòng Cơ quan hợp tác Quốc tế Nhật Bản tại Việt Nam (JICA) tổ chức Hội thảo “Tăng cường quản lý chất lượng và an toàn xây dựng”. Đồng chí Nguyễn Thanh Nghị, Ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì hội thảo.

Tham dự Hội thảo có đại diện các Bộ, ngành liên quan; lãnh đạo các Sở Xây dựng địa phương trên cả nước; các Trung tâm Kiểm định xây dựng; các Hội, Hiệp hội chuyên ngành Xây dựng; các Viện Nghiên cứu; các nhà thầu tư vấn, nhà thầu xây dựng; đại diện tổ chức JICA Việt Nam.

Theo Báo cáo của Tổ chức JICA Việt Nam tại Hội thảo, từ năm 2010, Bộ Xây dựng và Văn phòng JICA Việt Nam đã hợp tác chặt chẽ trong việc thực hiện Dự án “tăng cường quản lý chất lượng và an toàn xây dựng”, đến nay đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Một hệ thống quản lý chất lượng công trình xây dựng tốt sẽ giúp cho việc sử dụng có hiệu quả công trình sau này, cũng như sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong quá trình thi công xây dựng công trình. Nội dung của dự án cũng như những kết quả nghiên cứu của dự án bao gồm: Cải thiện các phương pháp quản lý dự án và làm rõ trách nhiệm của các chủ thể; Cải thiện hệ thống kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước nhằm đảm bảo chất lượng xây dựng; Phát triển và áp dụng hệ thống lựa chọn/đăng ký và đánh giá nhà thầu; Cải thiện hệ thống chứng chỉ kỹ sư hiện tại để tăng cường năng lực của các kỹ sư; Phát triển các công nghệ quản lý dự án nhằm



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu khai mạc Hội thảo

đảm bảo chất lượng xây dựng; Phát triển sổ tay quản lý an toàn lao động; Phát triển các chương trình đào tạo và cung cấp các khóa đào tạo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đánh giá cao việc Cục Giám định Nhà nước về Chất lượng công trình xây dựng đã phối hợp cùng JICA Việt Nam tổ chức “Hội thảo về Tăng cường quản lý chất lượng và an toàn xây dựng”, chào mừng và hoan nghênh đại diện các Bộ, Hiệp hội chuyên ngành, các Sở Xây dựng, các Trung tâm Kiểm định, các BQL Dự án, các chuyên gia trong và ngoài nước, đã tham dự Hội thảo này.

Theo Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị Trong những năm gần đây, hoạt động đầu tư xây dựng công trình tại Việt Nam phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, quy mô và mức độ phức tạp. Năm 2011, số lượng công trình xây dựng của Việt Nam trên toàn quốc có gần 50.000 công trình, trong đó nhiều nhất là các công trình dân dụng chiếm 51%, công trình giao thông chiếm

19%, công nghiệp chiếm 11%, thủy lợi-thủy điện chiếm 9%, và hạ tầng kỹ thuật chiếm 10%. Theo đó, với yêu cầu chất lượng ngày càng cao, công tác quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng đã trở thành một lĩnh vực rất quan trọng, không chỉ quyết định đến điều kiện an toàn sử dụng và tuổi thọ công trình, mà còn ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác đầu tư xây dựng, và tác động đến chất lượng, môi trường sống của cộng đồng. Vì vậy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chất lượng xây dựng, và qua đó nâng cao chất lượng, giảm thiểu sự cố, kéo dài tuổi thọ công trình xây dựng là một yêu cầu tất yếu không chỉ của các cơ quan quản lý nhà nước, các chủ thể tham gia xây dựng công trình mà còn là của cả cộng đồng xã hội.

Bộ Xây dựng Việt Nam với chức năng, nhiệm vụ là cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, trong những năm qua, đã rất quan tâm đến công tác quản lý chất lượng xây dựng, và sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo tăng cường công tác này có hiệu quả hơn trong thời gian tới. Bộ đã tập trung xây dựng một cách có hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng xây dựng, thực hiện công tác thanh tra kiểm tra, giám sát đảm bảo chất lượng, tập trung nâng cao năng lực quản lý của cán bộ trong lĩnh vực này, cũng như đẩy mạnh hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm từ các nước bạn. Trong đó, Bộ Xây dựng Việt Nam đã nhận được sự hỗ trợ tích cực và có hiệu quả từ phía



Toàn cảnh Hội thảo

chính phủ Nhật Bản, đặc biệt là Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA). Cơ quan này đã hỗ trợ, phối hợp chặt chẽ với Bộ Xây dựng Việt Nam trong việc triển khai Dự án Tăng cường năng lực đảm bảo chất lượng xây dựng.

Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đề nghị các đại biểu tham dự hội thảo cần trao đổi thẳng thắn về thực trạng, kinh nghiệm quản lý chất lượng và an toàn xây dựng; chỉ rõ những mặt hạn chế của công tác này, những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện công tác đảm bảo chất lượng và an toàn xây dựng; đóng góp thêm các giải pháp để tăng cường công tác quản lý dự án đầu tư, tăng cường hệ thống quản lý chất lượng công trình xây dựng của Việt Nam cũng như đóng góp ý kiến cho dự án để góp phần thiết thực cho công tác quản lý chất lượng và an toàn xây dựng trong các công trình xây dựng tại Việt Nam./.

Minh Tuấn

Cuộc họp lần thứ II của Ban điều phối Dự án Tăng cường năng lực đảm bảo chất lượng xây dựng

Ngày 10/2/2012 tại Bộ Xây dựng, Bộ Xây dựng đã phối hợp với Nhóm Dự án của Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) tổ chức hội nghị lần thứ 2 Ban điều phối Dự án tăng cường năng lực đảm bảo chất lượng xây dựng (CLXD) để nghe và đóng góp ý kiến cho Báo cáo giữa kỳ. Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Thanh

Nghị, Trưởng ban Ban điều phối Dự án chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có ông Shigery Kishida - Bí thư Thứ hai Đại sứ quán Nhật Bản tại Việt Nam, ông Toshio Nagase - Phó Trưởng đại diện Văn phòng JICA tại Việt Nam và các cán bộ của Văn phòng JICA tại Việt Nam, ông Kato

Tsuneo – Trưởng đoàn Đoàn chuyên gia tư vấn dự án của JICA tại Việt Nam và các cố vấn, chuyên gia của Đoàn; ông Lê Quang Hùng - Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng Bộ Xây dựng, Phó Trưởng ban thường trực Ban điều phối Dự án và các thành viên của Ban điều phối, Ban quản lý Dự án (Ban QLDA).

Hội nghị đã nghe Báo cáo giữa kỳ thực hiện dự án do ông Kato Tsuneo - Trưởng đoàn chuyên gia dự án của JICA trình bày, các ý kiến đánh giá, nhận xét về Báo cáo giữa kỳ do ông Lê Quang Hùng - Cục trưởng Cục Giám định Nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Giám đốc Ban QLDA trình bày cùng các ý kiến thảo luận, góp ý của các thành viên Ban điều phối, các chuyên gia, đối tác phía Nhật Bản, Việt Nam và ý kiến của ông Toshio Nagase - Phó trưởng đại diện JICA tại Việt Nam về khả năng mở rộng kéo dài dự án.

Báo cáo giữa kỳ đã đánh giá việc thực hiện 7 hoạt động chính và các hoạt động hỗ trợ như sau:

Hoạt động 1: Cải thiện phương pháp QLDA và xác định rõ trách nhiệm của các bên liên quan.

Hoạt động 1 đã xác định hai nhóm chủ thể là Nhóm 1 gồm có người quyết định đầu tư, chủ đầu tư và Ban QLDA; Nhóm 2 gồm có Ban QLDA, nhà thầu tư vấn và nhà thầu thi công.

Với mục tiêu cải thiện phương pháp QLDA, Hoạt động 1 đã xác định khung kế hoạch cải thiện dành cho Nhóm 1 bao gồm việc nâng cao điều kiện năng lực của chủ đầu tư, xác định rõ trách nhiệm của chủ đầu tư và Ban QLDA và tăng cường công tác kiểm tra giấy phép xây dựng. Đối với nhóm 2, Hoạt động đã xác định khung kế hoạch cải thiện bao gồm việc đơn giản hoá công tác QLDA thông qua chuẩn hoá và tăng cường tính linh hoạt trong xử lý thay đổi thiết kế, xây dựng các mối quan hệ hợp đồng công bằng và bình đẳng, chuẩn hoá việc quản lý hợp đồng.



Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu tại cuộc họp

Báo cáo giữa kỳ cũng đã giới thiệu kinh nghiệm của Nhật Bản trong công tác đảm bảo CLXD thông qua mô hình QLDA đầu tư xây dựng đang được áp dụng tại Bộ Đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản và thực tiễn thi hành Luật Tiêu chuẩn xây dựng tại Nhật Bản.

Hoạt động 2: Cải thiện hệ thống kiểm tra công tác đảm bảo CLXD của các cơ quan quản lý nhà nước.

Trên cơ sở đánh giá hiện trạng hệ thống kiểm tra của các cơ quan nhà nước trong đảm bảo CLXD, Dự án đã đề xuất các biện pháp tăng cường kiểm tra nội bộ bởi người quyết định đầu tư thông qua hệ thống tự kiểm tra, tăng cường thực hiện kiểm tra xây dựng bởi Bộ Xây dựng và các Sở Xây dựng địa phương trong đó chú trọng các chủ đầu tư không chuyên, tăng cường chức năng của các Trung tâm kiểm định nhằm tận dụng trình độ chuyên môn của các Trung tâm này hỗ trợ các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.

Hoạt động 3: Phát triển và áp dụng hệ thống đăng ký và đánh giá nhà thầu.

Dự án đã đánh giá hiện trạng của hệ thống đăng ký/lựa chọn nhà thầu tư vấn/thi công và khuyến nghị các biện pháp nhằm: Cải thiện hệ thống đăng ký nhà thầu thi công/tư vấn; phát triển hệ thống đánh giá nhà thầu nhằm đánh giá hiệu quả thực hiện công việc của nhà thầu vào giai đoạn kết thúc dự án đầu tư xây dựng,

đồng thời tận dụng dữ liệu để lựa chọn nhà thầu cho các dự án tiếp theo; đề xuất phát triển cơ sở dữ liệu gói thầu thi công nhằm cung cấp thông tin chung về các dự án đầu tư xây dựng đang diễn ra và đã hoàn thành, bao gồm cả việc đánh giá nhà thầu.

Hoạt động 4: Cải thiện hệ thống chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát.

Trên cơ sở đánh giá hoạt động của hệ thống chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát hiện tại, với mục tiêu tăng cường năng lực của các kỹ sư Dự án khuyến nghị cải thiện hệ thống sát hạch chứng chỉ giám sát thông qua việc phát triển hệ thống quản lý sát hạch tập trung thay cho hệ thống sát hạch tại các trung tâm đào tạo như hiện nay; việc cải thiện hệ thống đào tạo được thực hiện thông qua thay đổi chương trình đào tạo theo hệ thống sát hạch và áp dụng phát triển chuyên môn liên tục theo đó để được gia hạn chứng chỉ, những người có chứng chỉ sẽ tham gia các khoá đào tạo ngắn hạn để cập nhật thông tin về các dự án đầu tư xây dựng và công tác quản lý chất lượng.

Hoạt động 5: Phát triển các công nghệ QLDA trong công tác đảm bảo CLXD (Chỉ dẫn kỹ thuật và Sổ tay quản lý CLXD).

Dự án đã đề xuất việc xây dựng các chỉ dẫn kỹ thuật và phát triển chỉ dẫn kỹ thuật dành cho các công trình hạ tầng kỹ thuật và Sổ tay quản lý CLXD.

Hoạt động 6: Phát triển Sổ tay hướng dẫn an toàn trong xây dựng.

Thực tiễn cho thấy để giảm thiểu số tai nạn lao động cần nâng cao nhận thức của các chủ thể về tai nạn lao động từ cán bộ quản lý cho đến công nhân làm việc trên công trường. Dự án đề xuất lập Sổ tay hướng dẫn an toàn và vệ sinh lao động trong xây dựng bao gồm những nội dung sau: Các quy định về an toàn, vệ sinh lao động và quản lý an toàn; các biện pháp an toàn theo loại sự cố.

Thực tế trên thế giới cho thấy nghiên cứu tình huống về các trường hợp tai nạn và các

trường hợp tiềm cận nguy hiểm có vai trò quan trọng trong việc nâng cao nhận thức về tai nạn lao động của người lao động trên công trường. Nhà thầu cũng được khuyến nghị sử dụng Sổ tay hướng dẫn và tài liệu nghiên cứu tình huống này trong các chương trình huấn luyện định kỳ dành cho người lao động trên công trường. Với thực tế trên, Dự án đề xuất việc biên soạn tài liệu nghiên cứu những trường hợp tai nạn và các tình huống tiềm cận nguy hiểm trong xây dựng bao gồm 37 trường hợp tai nạn và 3 tình huống tiềm cận nguy hiểm.

Hoạt động 7: Cải thiện các chương trình đào tạo và cung cấp các khoá đào tạo.

Dự án đã thực việc cải thiện chương trình đào tạo về dự án xây dựng và quản lý chất lượng, trong đó đã tăng cường công tác đào tạo của Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị (ACM) Bộ Xây dựng theo hướng mở rộng chương trình đào tạo để đáp ứng yêu cầu của nhiều loại đối tượng; tăng cường công tác đào tạo của Trung tâm công nghệ quản lý chất lượng công trình xây dựng Việt Nam thuộc Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng Bộ Xây dựng.

Phát biểu kết luận Hội nghị, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị - Trưởng ban Ban điều phối dự án cho biết thời gian qua các chuyên gia và đối tác Nhật Bản, Việt nam cùng Ban QLDA đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực làm việc, phối hợp chặt chẽ trong công tác nhằm đưa dự án thực hiện đúng tiến độ đề ra và bước đầu đạt được những kết quả quan trọng, sản phẩm của một số hoạt động của Dự án đã được đề xuất, một số kết quả đang được thử nghiệm để chuẩn bị cho áp dụng vào thực tiễn Việt Nam. Thay mặt Ban điều phối Dự án, Thứ trưởng Nguyễn Thanh Nghị đánh giá cao và biểu dương nỗ lực cố gắng của các chuyên gia Nhật Bản và Việt Nam, của Ban QLDA.

Trên cơ sở dự thảo Báo cáo giữa kỳ và ý kiến trao đổi, góp ý của các thành viên dự Hội nghị Thứ trưởng cho biết về cơ bản Ban điều

phối nhất trí với dự thảo Báo cáo giữa kỳ do Nhóm chuyên gia Dự án soạn thảo. Báo cáo đã đề cập đầy đủ về nội dung tiến độ và kết quả thực hiện của từng hoạt động của Dự án. Trên cơ sở ý kiến góp ý tại Hội nghị, đề nghị Nhóm chuyên gia nghiên cứu, tiếp thu để tiếp tục hoàn thiện Báo cáo phục vụ cho công tác đánh giá giữa kỳ Dự án của JICA trong thời gian tới. Ban điều phối đặc biệt quan tâm đến các sản phẩm đầu ra của Dự án để có thể áp dụng một cách có hiệu quả vào thực tiễn của Việt Nam nhằm cải thiện thêm một bước thể chế, ứng dụng những công nghệ tiên tiến trong quản lý, góp phần nâng cao hiệu quả hiệu lực công tác quản lý CLXD công trình ở Việt Nam, nâng cao CLXD,

giảm thiểu sự cố; nghiên cứu đề xuất phương thức nhằm nhân rộng kết quả của Dự án.

Thứ trưởng đã tóm lược nội dung chính của những vấn đề trong 7 hoạt động của Dự án mà Ban điều phối mong muốn các chuyên gia trong quá trình thực hiện, ngoài việc hoàn thiện các nội dung, yêu cầu đã được thảo luận, cần quan tâm, lưu ý và đề nghị Thường trực Ban điều phối Dự án cụ thể hoá các nội dung, ý kiến Hội nghị bằng các văn bản chính thức và thông báo đến các thành viên Ban điều phối, các chuyên gia của JICA làm cơ sở cho việc thực hiện các công việc tiếp theo của Dự án.

Huỳnh Phước

Vật liệu gỗ góp phần tạo ra sự phát triển bền vững

Số lượng các công trình mang tính bền vững đang ngày một tăng và sẽ trở thành một lĩnh vực có tốc độ tăng trưởng cao của ngành công nghiệp xây dựng trong những năm tới. Theo bản Báo cáo của Tạp chí McGraw-Hill Construction "Triển vọng xanh 2011: Xu hướng xanh thúc đẩy tăng trưởng", giá trị của các công trình xây dựng mới thân thiện môi trường đã tăng 50% trong giai đoạn 2008 - 2010, từ 42 tỉ USD lên 71 tỉ USD, và công trình xanh chiếm khoảng 25% số công trình mới trong năm 2010. Theo Báo cáo này, khi các chủ đầu tư ý thức được lợi thế cạnh tranh, giảm chi phí và tăng lợi nhuận, thì thị trường này được dự báo sẽ đạt doanh số 135 tỉ USD vào năm 2015.

Tuy nhiên, điều gì thực sự tạo nên một công trình mang tính bền vững? Trong khi các hoạt động và công nghệ xanh đang ngày càng phát triển và có sự khác nhau giữa các khu vực thì có một số yếu tố quan trọng được nhiều người công nhận là cơ sở để tạo ra một công trình xanh, đó là: địa điểm xây dựng và thiết kế kết cấu; hiệu quả năng lượng; hiệu quả sử dụng vật liệu; chất lượng môi trường trong nhà; vận hành và bảo trì; giảm phát thải. Sau khi nghiên cứu

các định nghĩa khác nhau về tính xanh (bền vững), bài viết này sẽ nhấn mạnh về hiệu quả sử dụng vật liệu và đánh giá mối quan hệ của gỗ đối với các thiết kế xanh về mặt môi trường, kinh tế và xã hội. Do đa số các triết lý xây dựng tiên tiến cho phép những sự lựa chọn đa dạng, bài viết này cũng sẽ thảo luận vấn đề các nhà thiết kế cách tân đang tìm kiếm các giải pháp sáng tạo để cải thiện môi trường như thế nào.

Phát triển bền vững

Thuật ngữ "phát triển bền vững" trong Từ điển mang nhiều nghĩa khác nhau. Ngay từ thập niên 1980, thuật ngữ này được đưa ra để chỉ sự phát triển bền vững của con người trên trái đất, với định nghĩa được trích dẫn nhiều nhất của Liên Hợp quốc được đưa ra trong bản báo cáo của Ủy ban môi trường và phát triển thế giới (Ủy ban Brundtland) năm 1987: "Phát triển bền vững là sự phát triển có thể đáp ứng được những nhu cầu hiện tại mà không ảnh hưởng, tổn hại đến những khả năng đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai..." Qua nhiều năm, định nghĩa này đã được phát triển, với việc nhiều tổ chức đưa ra những quan điểm riêng về phát triển bền vững là gì, mục đích của phát

triển bền vững và làm thế nào để đạt được sự phát triển bền vững.

Tại Hội nghị thượng đỉnh thế giới năm 2005, phát triển bền vững được hiểu là sự đáp ứng hài hòa các nhu cầu về môi trường, xã hội và kinh tế. Theo Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ, "Phát triển bền vững có nhiều định nghĩa khác nhau, song những khái niệm và nguyên tắc cơ bản của nó không thay đổi, đó là sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, tất cả cùng dẫn đến cải thiện chất lượng cuộc sống của chúng ta và các thế hệ tương lai". Theo định nghĩa về phát triển bền vững và giảm phát thải carbon của Diễn đàn Phát triển bền vững thuộc Viện Kiến trúc Mỹ (AIA), "Phát triển bền vững nhằm đảm bảo sự thịnh vượng lâu dài của tất cả các sinh vật sống. Thiết kế hướng tới sự bền vững tạo ra các cộng đồng và công trình nâng cao chất lượng môi trường và phúc lợi công cộng". Đồng thời với việc đưa ra định nghĩa phổ quát nhất về thiết kế hướng tới sự bền vững, Diễn đàn còn đưa ra những hoạt động theo thứ tự ưu tiên nhằm tạo ra các cộng đồng và công trình "không carbon" vào năm 2030.

Gỗ và môi trường

Đánh giá vòng đời (LCA) là công cụ được sử dụng phổ biến để đánh giá và so sánh những tác động đến môi trường của các loại vật liệu xây dựng, các sản phẩm và kết cấu xây dựng hoàn chỉnh - từ khâu khai thác tài nguyên đến khâu chế biến, vận chuyển, lắp dựng, vận hành công trình, phá dỡ và tiêu hủy. Theo định nghĩa của Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế (ISO), đánh giá vòng đời cho phép các nhà thiết kế công trình so sánh các phương án thiết kế khác nhau dựa trên mức độ ảnh hưởng của các thiết kế đó đến môi trường từ đó đưa ra những lựa chọn vật liệu sử dụng phù hợp.

Theo các đánh giá LCA cho thấy, gỗ có tính thân thiện môi trường cao hơn so với thép hoặc bê tông ở các mặt năng lượng tiêu tốn, ô nhiễm không khí và nước, và tổng lượng phát thải

cácbon. Đã có nhiều công trình nghiên cứu trên thế giới cho thấy, công trình bê tông có ưu thế hơn công trình bằng thép ở mặt sử dụng năng lượng nhưng lại có hạn chế hơn về phát thải CO₂ và các khí nhà kính khác. Lấy ví dụ về một công trình nghiên cứu ở Thụy Điển về các công trình nhà khung gỗ và khung bê tông, người ta đã rút ra kết luận: các kết cấu khung bê tông có mức độ cân bằng năng lượng và CO₂ cao hơn. Một công trình nghiên cứu khác ở New Zealand nhằm so sánh mức độ sử dụng năng lượng và phát thải khí nhà kính của 4 phiên bản của một tòa nhà văn phòng cho thấy, khi số lượng gỗ tăng lên so với bê tông và thép thì lượng phát thải khí nhà kính giảm. Một nghiên cứu đánh giá vòng đời khác do Cục Tài nguyên rừng Hoa Kỳ tiến hành cho thấy, việc thu hoạch, vận chuyển, chế biến và sử dụng gỗ thành phẩm dạng hộp hoặc tấm tạo ra ít khí nhà kính hơn so với các vật liệu xây dựng thông thường như thép hoặc bê tông. Công trình nghiên cứu này cũng cho thấy các hệ thống tường vách bằng gỗ có thể yêu cầu ít năng lượng hơn để chế biến so với các kết cấu bê tông hoặc thép nếu so sánh về mặt nhiệt lượng.

Có thể những kết quả nghiên cứu nói trên sẽ được đưa vào trong các chính sách. Dựa trên công trình nghiên cứu của mình, gần đây, Cục Tài nguyên rừng Hoa Kỳ đã thông báo là Cục sẽ "ưu tiên sử dụng gỗ cho các công trình xây dựng mới để khẳng định việc sử dụng sáng tạo vật liệu gỗ như là một loại vật liệu xây dựng xanh cho tất cả các công trình mới có diện tích sàn 10.000 foot vuông trở lên, sử dụng các tiêu chuẩn công trình xanh đã được công nhận như LEED, Green Globes hoặc Tiêu chuẩn công trình xanh quốc gia". Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) cũng cam kết sẽ tăng cường sử dụng gỗ để thực hiện Sắc lệnh hành pháp của Tổng thống Barack Obama về Điều hành Liên bang về môi trường, năng lượng và kinh tế. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp Mỹ - ông Tom Vilsack đã chỉ đạo tất cả các cơ quan thuộc Bộ phối hợp với

Cục Tài nguyên rừng về sử dụng các sản phẩm gỗ sản xuất trong nước làm vật liệu xây dựng xanh đối với tất cả các công trình của Bộ.

Tổng lượng phát thải cacbon. Do cây xanh hấp thụ CO₂ từ không khí trong quá trình sinh trưởng nên rừng được xem là công cụ bù đắp sự biến đổi khí hậu. Các sản phẩm gỗ vẫn tiếp tục lưu giữ lượng cacbon hấp thụ được trong vòng đời sinh trưởng của cây kể cả sau khi sản phẩm gỗ đó được đưa vào sử dụng. Lượng CO₂ được hấp thụ từ không khí có thể tăng gấp 4 lần trong 100 năm nếu thường xuyên khai thác và sử dụng gỗ thay cho thép và bê tông - là những vật liệu mặc dù không trực tiếp phát thải CO₂ nhưng quá trình chế tạo chúng tiêu tốn nhiều nhiên liệu hóa thạch và làm phát thải lượng khí nhà kính rất lớn. Trong bài báo đăng trong Tạp chí Quản lý Cacbon số 6/2011, Bruce Lippke - Giáo sư Đại học Washington đã viết: "Mỗi ngôi nhà gỗ là một kho chứa cacbon của rừng. Khi bạn nhìn vào thép và bê tông tức là bạn đang thấy sự phát thải CO₂ ra không khí khi các công trình bằng thép và bê tông đang mọc lên". Cây xanh hấp thụ CO₂ trong quá trình sinh trưởng, tích trữ CO₂ trong thân, lá và rễ cho đến khi cây bị thối hoặc bị cháy, khi đó chúng lại thải CO₂ ra không khí. Sử dụng gỗ trong công trình xây dựng sẽ giúp lưu giữ một lượng lớn cacbon trong sàn, khung tường và các cấu kiện bằng gỗ khác, đồng thời rừng tái sinh một lần nữa lại bắt đầu hấp thụ CO₂.

Khi sử dụng vật liệu xây dựng luôn có một sự lựa chọn - dùng đỉnh gỗ hay đỉnh thép, sàn gỗ hay sàn bê tông - điều này ảnh hưởng đến tổng lượng cacbon của kết cấu. Sử dụng phương pháp đánh giá vòng đời, Giáo sư B.Lippke và các cộng sự đã tính toán nếu thay thế các dầm thép cho sàn bằng dầm gỗ sẽ giúp giảm tổng lượng cacbon của các dầm này khoảng 10 tấn CO₂ cho mỗi tấn gỗ sử dụng. Sử dụng sàn gỗ thay cho sàn bê tông cũng giúp giảm tổng lượng cacbon khoảng xấp xỉ 3,5 tấn CO₂ cho mỗi tấn gỗ được sử dụng.

Như vậy, để tối đa hóa các lợi ích cacbon, cách tốt nhất là thu hoạch gỗ trước khi cây bắt đầu bước vào quá trình già cỗi và sau đó, sử dụng gỗ thay cho các sản phẩm đòi hỏi tốn nhiều nhiên liệu hóa thạch để sản xuất. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là mọi cánh rừng đều được thu hoạch như vậy. Theo Giáo sư B.Lippke, mặc dù lượng cacbon được lưu giữ trong thân gỗ trong rừng là rất lớn, giống như ở các vườn khác, rừng cũng có năng lực hữu hạn về hấp thụ cacbon trong không khí khi rừng già đi. Đồng thời, nguy cơ cháy rừng luôn thường trực có thể tàn phá các khu rừng trưởng thành đồng thời giải phóng lượng CO₂ trong thân cây ra ngoài không khí". Các khu rừng già có giá trị rất lớn mặc dù khả năng hấp thụ CO₂ của chúng bị giảm sút.

Khi giới thiết kế tập trung cho các công trình không cacbon, lợi ích cacbon của từng công trình có thể đánh giá được hoặc ghi chép được. Công trình Avalon Anaheim Stadium - một tổ hợp thương mại và chung cư cao cấp ở California sử dụng trên 180 nghìn foot khối gỗ hộp và gỗ bìa - đã lưu giữ được gần 4 nghìn tấn cacbon trong suốt vòng đời của công trình, thậm chí có thể lâu hơn nếu số gỗ được dỡ ra từ công trình đó được tái sử dụng cho công trình khác. Bằng việc sử dụng gỗ thay cho thép hoặc bê tông, nhóm thiết kế công trình này đã dự tính sẽ giảm phát thải khoảng 8.000 tấn khí nhà kính và tạo ra tổng lợi ích cacbon khoảng 12.000 tấn, tương đương với lượng phát thải khí nhà kính mỗi năm của 2.400 xe khách hoặc từ sinh hoạt của 1.054 hộ gia đình.

Cuối vòng đời công trình. Theo Cơ quan Bảo vệ môi trường Hoa Kỳ (EPA), phế thải phá dỡ và xây dựng công trình ở Mỹ mỗi năm khoảng 160 triệu tấn, chiếm gần 26% tổng lượng phế thải phi công nghiệp ở Mỹ. Con số này cho thấy cần phải có sự quan tâm đến các chiến lược thân thiện môi trường khi vật liệu hết thời hạn sử dụng.

Tái chế và tái sử dụng đang được khuyến khích đối với tất cả các vật liệu xây dựng và

được công nhận trong nhiều hệ thống đánh giá công trình xanh. Tuy nhiên, trong bất kỳ một chương trình tái chế hay tái sử dụng nào, bước đầu tiên là thu hồi vật liệu một cách hiệu quả. Việc thu hồi vật liệu gỗ ngày càng phát triển với sự gia tăng nhanh chóng về số lượng các công ty chế biến gỗ phế thải để tạo thành các sản phẩm gỗ tái chế đáp ứng các nhu cầu sử dụng khác. Theo công trình nghiên cứu của Tim McKeever (Viện nghiên cứu sản phẩm lâm nghiệp Hoa Kỳ), các nhà sản xuất sản phẩm gỗ thu hồi đến 94% lượng gỗ phế thải của họ. Tuy nhiên, việc thu hồi gỗ trong rác thải đô thị (chiếm 5,5%) kém hiệu quả hơn so với việc thu hồi gỗ từ rác thải xây dựng và phá dỡ (chiếm 40%).

Các phế thải gỗ xây dựng có tiềm năng thu hồi rất lớn do chúng khá sạch và dễ phân loại. Bên cạnh khoảng 25% lượng gỗ phế thải thu hồi được dùng làm chất đốt hoặc không sử dụng thì có khoảng 75% lượng gỗ phế thải có thể tái chế được. Rác thải phá dỡ khó xử lý hơn do chúng có nhiều thành phần và lẫn nhiều tạp chất. Ước tính chỉ khoảng 34% lượng gỗ phế thải được thu hồi có thể dùng để tái chế trong trường hợp phá dỡ theo đúng quy trình tiêu chuẩn. Giải pháp cho vấn đề này là tháo dỡ công trình một cách chọn lọc nhằm dỡ bỏ cẩn thận các phần có thể tái sử dụng hoặc tái chế. Gỗ có thể được thu hồi từ các công trình bị phá dỡ, và được tái sử dụng trực tiếp - là một thị trường béo bở đang tăng trưởng mạnh do nhu

cầu rất lớn của xã hội về các sản phẩm gỗ phế thải có kích thước lớn.

Gỗ và các mục đích xã hội

Gỗ là loại vật liệu mang lại sự ấm áp và vẻ đẹp tự nhiên, và có thể có ảnh hưởng tích cực đến người sử dụng công trình. Biophilia - một thuật ngữ do nhà tâm lý học Erich Fromm đưa ra - chỉ sự gắn kết giữa con người với các hệ sinh vật khác đồng thời lý giải sự đóng góp của gỗ đối với xã hội. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ luôn gây ấn tượng đẹp cho con người bởi tính tự nhiên và sự đa dạng của mình.

Một nghiên cứu gần đây của trường Đại học British Columbia và FPIInnovation cho thấy: sự có mặt của gỗ trong căn phòng có thể làm giảm sự kích thích thần kinh giao cảm (SNS) của người ở trong căn phòng đó, đồng thời làm tăng sự liên kết tích cực giữa gỗ và sức khỏe con người. Sự kích thích thần kinh giao cảm khiến cho con người bị căng thẳng, tăng huyết áp và nhịp tim, ảnh hưởng đến tiêu hóa và hồi phục sức khỏe. Sự kích thích thần kinh giao cảm trong thời gian dài có ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe con người. Công trình nghiên cứu nói trên ủng hộ giá trị của gỗ trong thiết kế - góp phần nâng cao sức khỏe, nâng cao năng suất lao động của con người./.

*Nguồn: Tạp chí Architectural Record,
số 12/2011
ND: Lê Minh*

Công nghệ làm lạnh VRF - Công nghệ mới nhằm giảm việc tiêu hao năng lượng của hệ thống nhiệt, thông gió và điều hoà không khí (HVAC)

Một trong những mối quan tâm hàng đầu của xây dựng xanh là tạo nên những công trình có tính hiệu quả năng lượng. Do đó, việc nắm vững về thiết kế hệ thống nhiệt, thông gió và điều hoà không khí (HVAC) là yếu tố then chốt

mà các chuyên gia thiết kế luôn gắn kết với nhu cầu đang gia tăng đối với các kết cấu đạt tiêu chuẩn LEED.

Phần lớn các công trình xây dựng đều có một số hệ thống HVAC. Tuy nhiên, tại Mỹ tính

đến thời điểm gần đây, các hệ thống HVAC được mô tả như một công nghệ lỗi thời, ít cải tiến trong nhiều thập niên qua. Hiện nay, các công nghệ tiên tiến nhất đã được kiểm chứng và áp dụng khắp nơi trên thị trường. Một trong những hệ thống áp dụng công nghệ mới này đã được triển khai rộng khắp Nhật Bản nói riêng và châu Á nói chung, châu Âu và Nam Mỹ, được gọi là phân khu lưu lượng môi chất lạnh điều chỉnh được (Variable Refrigerant Flow - VRF) - một giải pháp tiết kiệm năng lượng cho phép điều hoà môi trường không khí trong nhà một cách thuận lợi và chuẩn xác. Hiện tại, VRF chỉ chiếm khoảng 1% doanh thu trên thị trường HVAC; nhưng tiềm năng phát triển rất lớn, nếu xét đến sự gia tăng số lượng các công trình xây dựng trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, các cơ quan của chính phủ/quân đội, các công trình công cộng và khu vực văn phòng; cũng như nhu cầu về hệ thống HVAC đối với các công trình xanh. Các thị trường tiềm năng khác bao gồm các nhà thờ và các công trình công cộng (bảo tàng, các khu đô thị và các trung tâm biểu diễn nghệ thuật).

Khái quát về HVAC

Với doanh thu xấp xỉ 15 tỉ đôla mỗi năm, ngành công nghiệp HVAC đã và đang là đề tài của nhiều công trình nghiên cứu và phân tích về vai trò quan trọng mà ngành này nắm giữ trong lĩnh vực tiêu thụ năng lượng ở Mỹ. Theo Sách tra cứu dữ liệu công trình của Bộ Năng lượng Mỹ, 22% năng lượng quốc gia được tiêu thụ bởi HVAC trong các công trình thương mại và 18% trong các khu dân cư (giao thông vận tải tiêu thụ 28%).

Các dạng điển hình nhất của thiết bị HVAC là cụm điều hoà liên khối và bơm nhiệt. “Liên khối” đề cập đến việc các bộ phận chính trong việc làm nóng, làm lạnh, chống ẩm, lọc khí và dịch chuyển dòng không khí được lắp ráp trong cùng một hoặc hơn một lượng thành phẩm được sản xuất trong nhà máy. “Bơm nhiệt” là một hệ thống điều hoà có khả năng điều chỉnh

lưu lượng môi chất lạnh để cung cấp khí nóng hoặc khí lạnh cho không gian trong toà nhà.

Các hệ thống HVAC loại nhẹ sử dụng trong thương mại hay trong các khu dân cư gồm có : cụm điều hoà khu vực nhỏ gọn, cụm liên khối, cụm cửa sổ, cụm gắn tường, lò sưởi nhiệt và hệ thống không ống dẫn.

Các hệ thống HVAC loại lớn dùng trong thương mại và công nghiệp gồm một trong ba cấp sau:

Hệ thống nhỏ gọn: hệ thống HVAC được lắp đặt trong cùng một cụm. Hệ thống này có thể bao gồm các bộ gia nhiệt, thiết bị làm lạnh, bơm nhiệt nguồn nước và các cụm gắn trần đa khu vực – cơ bản cho bất kỳ hệ thống nào hoạt động dựa vào nước hoặc sự giãn nở trực tiếp. Điển hình của hệ thống này là không khí đã được điều hoà được dẫn từ hệ thống đến không gian trong toà nhà qua các đường ống.

Hệ thống chia: Hệ thống bao gồm 2 phần, thường là một cụm xử lý không khí đặt trong nhà và cụm máy nén đặt bên ngoài. Các bộ phận của hệ thống cũng có thể gồm các bộ gia nhiệt, làm lạnh, bơm gia nhiệt nguồn nước ... Một hệ thống chia không dùng ống dẫn gồm một cụm ngưng tụ đặt xa bên ngoài, được kết nối đến thiết bị xử lý không khí trong nhà phù hợp bằng các ống chứa chất làm lạnh. Trong các trường hợp đặc biệt, việc lấy không khí sạch có thể cần thông qua hệ thống ống dẫn từ bên ngoài tới thiết bị xử lý không khí.

Hệ thống VRF: Một phiên bản linh hoạt của các giải pháp truyền thống, với khác biệt chính là VRF ứng phó với thay đổi yêu cầu làm nóng hoặc làm lạnh bằng cách điều chỉnh lưu lượng môi chất lạnh đến từng khu vực, thay cho việc dẫn khí nóng hoặc lạnh qua hệ thống ống dẫn đến các khu vực này.

Thế nào là dòng môi chất lạnh điều chỉnh được?

Công nghệ dòng môi chất lạnh điều chỉnh được (VRF) là giải pháp tiết kiệm năng lượng cho phép điều hoà không khí trong nhà một

cách chính xác và thuận tiện. Điều chỉnh dòng môi chất lạnh đến từng khu vực hoặc dàn lạnh phục vụ cho khu vực đó sẽ cho phép hệ thống kiểm soát và điều khiển liên tục lưu lượng khí lạnh hoặc khí nóng đang được dẫn qua từng thiết bị. Điều này cho phép kiểm soát nhiệt độ khu vực một cách chính xác hơn.

Bằng cách sử dụng bộ kiểm soát nhánh, hệ thống có thể làm lạnh một số khu vực, đồng thời làm nóng các khu vực khác; nhờ đó mang lại sự thoải mái trong từng khu vực. (Các khu vực là không gian gồm một hay nhiều phòng được điều hòa đến một mức nhiệt nhất định và hoàn toàn độc lập với các phòng khác trong cùng công trình).

Máy nén điều khiển biến tần (inverter)

Công nghệ VRF được tiến hành nhờ việc sử dụng máy nén điều khiển biến tần (tốc độ biến đổi) đặt trong dàn nóng nhằm phản ứng với sự thay đổi nhiệt độ trong phòng. Do một máy nén điều khiển biến tần có thể biến đổi tốc độ quay động cơ và công suất, và các dàn lạnh có thể biến đổi công suất của chúng, nên toàn hệ thống có thể đạt công suất đáp ứng chính xác yêu cầu của từng khu vực; nhờ vậy giảm thiểu được việc tiêu thụ năng lượng, vì hệ thống chỉ hoạt động ở mức độ cần thiết nhằm giữ không khí trong nhà ở mức ổn định và tiện nghi.

Công nghệ máy nén điều khiển biến tần rất hiệu quả và ứng phó nhanh. Công nghệ này có các cụm thiết bị nhỏ gọn, hoạt động êm nhẹ, linh hoạt trong việc lựa chọn vị trí lắp đặt, do đó mang lại cho các nhà kiến trúc và chủ sở hữu công trình những ý tưởng thiết kế tự do táo bạo hơn với việc điều khiển tích hợp và đơn giản.

Một hệ thống điển hình thông thường gồm có 01 dàn nóng điều chỉnh được công suất, được kết nối với khoảng 50 dàn lạnh điều chỉnh được công suất.

Công nghệ biến tần này có thể so sánh với việc kiểm soát hành trình của ô tô. Giống như lái xe điều khiển vận tốc ô tô, người quản lý thiết bị hay người ở trong tòa nhà có thể tự định ra

nhiệt độ mình mong muốn. Việc kiểm soát hành trình giúp ổn định vận tốc của ô tô khi lên xuống đồi và chạy qua khúc cua. Tương tự, máy nén điều khiển biến tần điều chỉnh công suất nhằm đạt được nhiệt độ mong muốn. Một khi nhiệt độ mong muốn đã đạt được, các dàn lạnh sẽ hoạt động liên tục ở mức độ thấp để duy trì mức nhiệt này. Trong khi đó, các hệ thống HVAC truyền thống sử dụng nhiều năng lượng để duy trì nhiệt độ mong muốn do chu kì ngắn, hoặc do cần tắt / bật máy nén hoàn toàn. Sử dụng như vậy đòi hỏi năng lượng bị tiêu hao ở mức tối đa mỗi khi khởi động hệ thống.

Năng lượng có thể bị thất thoát bằng nhiều cách khác nhau khi sử dụng các hệ thống ống dẫn truyền thống. Dẫn không khí quanh công trình xây dựng yêu cầu hệ thống ống dẫn dài và sử dụng động cơ quạt cỡ lớn để dịch chuyển khối không khí; hệ quả là một lượng năng lượng lớn sẽ bị thất thoát, nếu chúng ta so sánh với một hệ thống VRF dẫn truyền môi chất lạnh đến dàn lạnh – dàn này có thể được đặt ở một trong hai bên phía trong nhà hoặc gần với không gian cần điều chỉnh nhiệt độ - do đó chỉ cần sử dụng động cơ quạt nhỏ để làm lưu thông không khí.

Hệ thống VRF tiết kiệm năng lượng

Các phần mềm về mô hình năng lượng đã được sử dụng để so sánh hệ thống chia VRF điều khiển biến tần với các kiểu hệ thống khác đang áp dụng trong thiết kế ở một vài thành phố lớn ở Mỹ. Hệ thống VRF tiết kiệm ít nhất 25% năng lượng so với các hệ thống truyền thống trong quá trình khởi động. Có nhiều yếu tố góp phần vào việc tiết kiệm năng lượng, trong đó phải kể đến công suất hoạt động thấp, khả năng tăng tốc, khả năng phân khu, công nghệ phục hồi nhiệt và công nghệ bơm nhiệt.

Hoạt động ở chế độ thấp

Các máy nén điều khiển biến tần hoạt động ở chế độ thấp cho phép công suất hoạt động thấp hơn khoảng 4%. Hầu hết máy nén tốc độ cố định trong các hệ thống HVAC truyền thống

chỉ có chế độ tắt / bật, gây lãng phí năng lượng trong điều kiện chạy không hết tải. Thậm chí một hệ thống truyền thống có hai hoặc ba cấp cũng không so sánh được với chế độ vô cấp trong hệ thống điều khiển biến tần về năng lực biến đổi công suất - chế độ trợ giúp đặc lực khi hệ thống hoạt động không hết tải.

Tăng tốc rất nhanh

Máy nén điều khiển biến tần tăng tốc rất nhanh, cung cấp năng lượng cần thiết để đạt được yêu cầu làm lạnh hoặc làm nóng của từng khu vực. Hoạt động song song với các hệ thống điều khiển và cảm biến, máy nén điều khiển biến tần biến đổi tốc độ của mình nhằm duy trì mức nhiệt tiện nghi mong muốn. Nhờ đó, hệ thống này chỉ sử dụng mức năng lượng vừa đủ để đạt được yêu cầu làm nóng hoặc làm lạnh tại từng khu vực.

Khả năng phân khu

Các hệ thống VRF điều khiển biến tần vừa tiết kiệm năng lượng vừa rất tiện lợi bởi khả năng phân khu. Các khu vực hoặc các phòng có thể được thiết kế theo những yêu cầu cụ thể, có tính đến lượng người, các thông số ánh sáng đạt được và đa năng.

Các dàn lạnh thông minh sử dụng cảm biến để đo nhiệt độ đầu ra của không khí trong phòng. Nếu thiết kế yêu cầu, nhiệt độ không khí có thể được đo bởi bộ kiểm soát từ xa. Khả năng lựa chọn vị trí đo cho phép kiểm soát nhiệt độ không khí tốt hơn, duy trì nhiệt độ mong muốn trong phạm vi 1 oF. Một số dàn lạnh của hệ thống VRF nổi trội với phụ kiện cảm biến đặc biệt để cảm biến và so sánh nhiệt độ không

khí và nhiệt độ sàn nhà, qua đó điều chỉnh đầu ra của thiết bị theo mức cần thiết nhằm tối ưu hóa sự tiện nghi trong không gian. Tất cả các dàn lạnh đều có các van giãn nở thẳng hàng để đảm bảo một lượng chính xác môi chất lạnh cũng như lưu lượng được đưa đến từng khu vực.

Các hệ thống VRF điển hình với nhiều dàn lạnh bay hơi kết nối với một dàn nóng nén sẽ có thể truyền tải đúng lượng môi chất lạnh cần thiết để đáp ứng chính xác yêu cầu của từng khu vực. Có thể kiểm soát hoạt động của các dàn lạnh sao cho tại các khu vực có người và cần điều hòa không khí thì các dàn này ở chế độ bật; còn ở các khu vực không người - ở chế độ tắt. Nhờ việc điều hòa không khí chỉ trong các khu vực có người, lượng khí được làm nóng hoặc làm lạnh không bị lãng phí.

Do kích thước của các hệ thống HVAC thông thường phụ thuộc vào công suất làm nóng hoặc lạnh tối đa của toà nhà, công suất tích hợp của các dàn lạnh có thể tương ứng, vượt quá hoặc thấp hơn công suất của dàn nóng. Ngược lại, hệ thống VRF điều khiển biến tần được thiết kế cũng như xác định kích thước đối với từng khu vực cụ thể, nhằm điều tiết độ thông sáng của công trình và sự thay đổi thời tiết theo mùa. Tùy vào hệ thống được chọn lựa, thông thường khoảng 50 dàn lạnh sẽ được kết nối với một dàn nóng với tổng công suất sử dụng bằng 150% công suất của dàn nóng.

Karin Tetlow

*Nguồn: Tạp chí Architectural Record
số 12/2011*

ND: Lê Minh

Thành phố Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc tăng cường công tác quản lý, giám sát việc cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung

Theo Nhật báo Tương Dương số ra ngày 15/9/2011, từ năm 2010, thành phố Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc đã tiến hành cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung. Đến tháng

1/2011, theo báo cáo của các quận, huyện, 142 doanh nghiệp sản xuất gạch đặc đất sét nung trong toàn thành phố Tương Dương đã đóng cửa hoặc chuyển sang sản xuất vật liệu xây tường

kiểu mới theo quy định. Ngày 4/5/2011, Chính quyền thành phố một lần nữa cùng các quận/huyện ký kết các văn bản mục tiêu trách nhiệm, yêu cầu các địa phương triệt để thực hiện các quy định cấm sản xuất gạch đặc đất sét nung. Tuy nhiên, trong kết quả điều tra của Văn phòng Ban chỉ đạo tiết kiệm năng lượng thành phố Tương Dương cho thấy, gần đây hiện tượng sản xuất gạch đặc đất sét nung tại các địa phương lại diễn ra rầm rộ, toàn thành phố có trên 60% các cơ sở sản xuất gạch vẫn tiến hành sản xuất gạch đặc đất sét nung.

Có thể thấy rõ, việc cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét ở thành phố Tương Dương là chưa triệt để. Một điều cần suy nghĩ, đó là tại sao chính quyền các cấp đã hết sức nỗ lực để “cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung”, đồng thời ban hành các văn bản quy định trách nhiệm, mà hoạt động sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung vẫn chưa chấm dứt? Trên bình diện tổng thể, có thể do những nguyên nhân chủ yếu như sau:

Thứ nhất, nhu cầu trên thị trường về vật liệu xây dựng rất lớn, do mục đích lợi nhuận, nhiều cơ sở sản xuất gạch cố tình vi phạm quy định về “cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung”. Những năm gần đây, do sự phát triển nhanh về xây dựng đô thị, nông thôn, khiến cho nhu cầu sử dụng vật liệu gia tăng nhanh chóng. Bên cạnh đó, vẫn chưa có những thay đổi căn bản về thiết kế công trình xây dựng tiết kiệm năng lượng. Sau khi các cơ sở sản xuất gạch đặc đất sét nung phải đóng cửa, đối mặt với thị trường xây dựng đô thị, nông thôn rộng lớn, các doanh nghiệp sản xuất gạch phiến sét đã nhanh chóng xuất hiện. Theo quy định, các doanh nghiệp sản xuất gạch phiến sét phải có giấy phép khai khoáng khi khai thác đá phiến sét làm nguyên liệu sản xuất gạch. Đối với đa số các xưởng gạch tại khu vực đồng bằng, phải qua quãng đường hàng chục cây số tới điểm khai thác đá phiến sét để khai thác và vận chuyển nguyên liệu, chi phí khai thác và vận chuyển tương đối cao. Ngoài ra, việc sản xuất gạch

phiến sét đòi hỏi phải đổi mới thiết bị sản xuất, xây dựng mới các lò nung để có thể sản xuất ra gạch phiến sét phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng. Một số chủ cơ sở sản xuất vì muốn giảm chi phí, với danh nghĩa sản xuất gạch phiến sét, đã âm thầm khôi phục sử dụng các lò gạch và các thiết bị sản xuất gạch đặc đất sét nung đã bị tháo bỏ, tiếp tục sản xuất gạch đặc đất sét nung. Một số cơ sở sản xuất gạch cũng đem về một số nguyên liệu đá phiến sét nhằm che mắt các cơ quan thẩm quyền kiểm tra, giám sát.

Thứ hai là, các quy định hiện hành liên quan có tác dụng điều tiết tương ứng đối với hành vi giao dịch đất đai, hành vi sử dụng tài nguyên đất sét thì vẫn chưa được liệt vào phạm trù quản lý tài nguyên để có những điều tiết kinh tế cần thiết. Một số địa phương sử dụng chính sách “hỗ trợ thuế”, làm nơ cho các doanh nghiệp sản xuất gạch đặc đất sét nung, có nơi thậm chí còn tự tiện miễn giảm quỹ chuyên dùng cho vật liệu tường kiểu mới, khiến cho các chính sách hạn chế gạch đất sét nung và các chính sách ưu đãi về quỹ chuyên dùng cho vật liệu kiểu mới của Nhà nước khó có thể phát huy tác dụng điều tiết và khống chế cần có.

Thứ ba là, việc chấp hành pháp luật về “cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung” không có cơ quan trường trực, không thể điều phối các cơ quan chấp hành pháp luật, khó có thể có được hành động thống nhất về “cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung”. Tuy chính quyền các cấp cũng đã nắm rõ chức trách quản lý trong việc “cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung” của các cơ quan thẩm quyền về tài nguyên đất đai, nông nghiệp, giám sát chất lượng kỹ thuật, quản lý công thương, thủy lợi..., mong muốn ban đầu là cùng nắm bắt, cùng quản lý, thế nhưng lại không có sự quản lý nào, việc liên kết hợp lực không thể được hình thành. Một số cơ quan còn xuất phát từ lợi ích của cơ quan mình, thậm chí buông lỏng quản lý “cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung”, cuối cùng công tác đóng cửa các cơ sở sản xuất gạch đặc đất sét nung bị giảm hiệu quả

đáng kể. Các tài liệu liên quan của Bộ Xây dựng nhà ở, đô thị và nông thôn cho thấy, cùng với sự tăng trưởng đô thị hóa, dự báo trong 10 năm tới, diện tích xây dựng mới nhà ở tại đô thị và nông thôn của Trung Quốc bình quân là 2 tỷ m² mỗi năm, nhu cầu đối với vật liệu xây tường là rất lớn, công tác “cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung” trong tương lai vẫn là nhiệm vụ nặng nề. Để thay đổi cục diện việc cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung chưa dứt điểm thì cần có những giải pháp như sau:

- Cần tăng cường quản lý vĩ mô. Các địa phương cần đưa công tác “cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung” vào trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, triển khai quản lý theo mục tiêu của Chính phủ, triệt để nghiêm cấm sử dụng đất canh tác để sản xuất gạch.

- Cần hoàn thiện các chính sách liên quan. Trong khi thực hiện các chính sách thuế để hạn chế sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung và thực hiện rộng rãi chính sách kinh tế như quỹ chuyên dùng cho vật liệu xây tường kiểu mới ... cần nghiên cứu và đưa ra các chính sách tương ứng về sử dụng tài nguyên đất sét chất lượng tốt và thu thuế tài nguyên ..., để xoay chuyển cục

diện hiện nay “đất đai có giá trị, tài nguyên đất sét vô giá trị”.

- Cần đẩy mạnh việc đưa “vật liệu xây dựng tới các vùng nông thôn”. Mấy năm gần đây, việc hô hào đưa “vật liệu xây dựng tới các vùng nông thôn” rất mạnh mẽ nhưng vẫn chưa thấy có hành động nào, người nông dân khá thất vọng. Thông qua thực hiện đưa “vật liệu xây dựng tới các vùng nông thôn”, nỗ lực thúc đẩy mở rộng các vật liệu tường kiểu mới với giá rẻ và chất lượng tốt, đẩy mạnh thiết kế tiết kiệm năng lượng.

- Cần tăng cường quản lý việc chấp hành pháp luật. Có thể học tập kinh nghiệm của một số thành phố, chính quyền tổ chức điều phối các cơ quan quản lý về đất đai, công thương, nông nghiệp, xây dựng, giám sát chất lượng ..., thiết lập cơ quan thường trực về “cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung”, quy phạm hóa việc quản lý các khâu sản xuất, kinh doanh và sử dụng vật liệu xây dựng, triển khai rộng rãi có trình tự công tác “cấm sản xuất và sử dụng gạch đặc đất sét nung”.

Dương Minh Sinh

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc, số 20/2011

ND: Kim Nhạn

Một số giải pháp tăng cường quản lý xây dựng đối với ngành Xây dựng Trung Quốc hiện nay

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc, ngành Công nghiệp Xây dựng cũng phát triển theo hướng đa dạng hóa và có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển kinh tế của Trung Quốc.

Trong ngành Xây dựng, quản lý xây dựng là một công việc khá quan trọng, liên quan trực tiếp tới chất lượng công trình, quản lý chi phí, an toàn lao động và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, thậm chí còn liên quan tới cả sự thành bại của doanh nghiệp. Nhưng hiện nay, công tác quản lý xây dựng còn tồn tại một số khuyết điểm như:

Cơ chế quản lý chưa kiện toàn: Để tiết kiệm chi phí nhân công, tại phần lớn các dự án xây dựng công trình ở Trung Quốc đã cắt giảm số lượng và chất lượng nhân công trong cơ cấu quản lý xây dựng.

Hệ thống quản lý còn thiếu chiều sâu: Hệ thống quản lý của ngành Xây dựng do một số chuyên gia ngành Xây dựng nghiên cứu và lập ra, nhưng các đơn vị xây dựng thì chỉ thực hiện trên giấy, họ làm như vậy là để đối phó trước sự kiểm tra của cấp trên, đồng thời không thể ứng dụng trong công tác quản lý xây dựng được.

I. Thiết lập hệ thống quản lý xây dựng

Trong công tác quản lý xây dựng ở Trung Quốc, rất khó xác lập hệ thống quản lý xây dựng có tính tư duy toàn diện, chủ yếu là bởi Trung Quốc còn thiếu kinh nghiệm và lý thuyết quản lý. Thiết lập hệ thống quản lý xây dựng khoa học là vấn đề mang tính chuyên môn sâu, nhất thiết phải do nhân viên quản lý có kinh nghiệm thực hiện hoặc các chuyên gia am hiểu về khoa học xây dựng tổ chức, chỉ có như vậy mới có thể thực hiện được. Đối với ngành Xây dựng ở nước ngoài, dù là kỹ thuật hay lý thuyết thì đều rất tiên tiến, do đó, trong quá trình thiết lập hệ thống tư duy quản lý xây dựng ở Trung Quốc, nhất thiết phải học hỏi những khái niệm tiên tiến của họ. Ngoài ra, còn phải rút ra những phương pháp quản lý tiên tiến, đồng thời, tăng cường điều chỉnh và tổng hợp đối với các khía cạnh của dữ liệu. Tóm lại, công tác quản lý xây dựng của Trung Quốc phải đảm bảo tiến hành theo trình tự các bước, để kiện toàn hệ thống quản lý xây dựng, cần phải đảm bảo nâng cao trình độ quản lý tổng thể công trình.

II. Tăng cường quản lý chất lượng thi công dự án công trình

Tăng cường quản lý chất lượng thi công, thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng có tính hợp lý và khả thi. Doanh nghiệp thi công công trình cần căn cứ vào hệ thống đảm bảo chất lượng, hình thành hệ thống đảm bảo chất lượng có hiệu quả, thiết lập mục tiêu chất lượng. Phải biết kết hợp các nhân tố như con người, vật liệu, máy móc để tạo ra hiệu quả. Trước hết, con người có thể kiểm soát chất lượng, nên dùng con người để làm yếu tố thúc đẩy kiểm soát, tích cực thúc đẩy sự nhiệt tình tham gia của con người, thiết lập quan niệm về chất lượng công trình. Tiếp theo, vật liệu xây dựng là sản phẩm chủ thể trong xây dựng, nên kiểm soát chất lượng vật liệu là điểm mấu chốt liên quan tới kiểm soát chất lượng công trình. Cuối cùng là máy móc thi công công trình là mục đích chủ yếu trong tiến hành thi công cơ giới hóa, đóng vai trò quan trọng không thể thiếu trong những

dự án xây dựng hiện đại hóa, nó trực tiếp ảnh hưởng tới chất lượng và tiến độ thi công dự án, vì vậy, việc lựa chọn sử dụng thiết bị máy móc là một công việc vô cùng quan trọng. Cần căn cứ vào đặc điểm cụ thể của dự án công trình, tổng hợp xem xét các loại nhân tố môi trường, thực hiện kiểm soát hiện trường thi công có hiệu quả, đảm bảo chất lượng thi công và điều kiện an toàn.

III. Tăng cường quản lý chi phí xây dựng công trình

Hiện nay công tác quản lý xây dựng đang nhận được sự quan tâm của công chúng, quản lý chi phí là nội dung không thể thiếu trong quản lý xây dựng. Bản chất của quản lý xây dựng chủ yếu là do công tác quản lý chi phí dự án phản ánh lại. Trước hết, phải thiết lập trách nhiệm quản lý chi phí dự án. Trách nhiệm của nhân viên quản lý chi phí dự án không giống như trách nhiệm của nhân viên quản lý công việc thông thường. Mặc dù đã hoàn thành trách nhiệm công việc, nhưng vẫn phải có trách nhiệm và hiểu rõ về trách nhiệm quản lý chi phí. Mỗi người quản lý đều phải có kiến thức về quản lý chi phí nhất định. Thực hiện kiểm soát giá gói thầu đối với đội ngũ thi công. Giữa bộ phận dự án và đội ngũ thi công cần thiết lập hợp đồng lao động, bộ phận dự án có quyền quản lý giám sát đối với tiến độ, chất lượng, an toàn và tiêu chuẩn quản lý của đội ngũ thi công, đồng thời căn cứ vào hợp đồng để thanh toán chi phí lao động.

IV. Tăng cường thông tin hóa trong quản lý xây dựng

Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, xã hội hiện nay đang bước vào thời đại thông tin hóa. Công nghệ thông tin đã trở thành một bộ phận không thể thiếu đối với các doanh nghiệp và đóng vai trò quan trọng trong ngành Xây dựng. Đối với những công trình xây dựng hiện đại cần có một hệ thống thông tin quản lý, như vậy không chỉ thúc đẩy công tác quản lý xây dựng theo hướng tự động hóa, mà còn

nâng cao hiệu quả và chất lượng thi công. Trong công tác quản lý xây dựng, khi một doanh nghiệp nào đó lựa chọn hệ thống thông tin hóa, nhất thiết phải kết hợp với đặc điểm xây dựng công trình của mình. Nhân viên quản lý xây dựng phải hiểu đầy đủ về sự quan trọng của hệ thống thông tin quản lý. Hệ thống thông tin quản lý có thể cung cấp mọi thông tin, là công cụ hỗ trợ cho nhân viên quản lý tổ chức sản xuất. Đây chính là ưu điểm lớn nhất trong hệ thống thông tin quản lý. Vận dụng thông tin quản lý vào trong công tác quản lý xây dựng để có thể kịp thời hiểu rõ hơn về tình hình tiến độ

thi công công trình, hỗ trợ rất nhiều cho việc kiểm soát và phân tích chi phí, chất lượng của công trình xây dựng.

Đổi mới công tác quản lý xây dựng có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển và tồn tại của doanh nghiệp xây dựng, do đó, doanh nghiệp xây dựng phải không ngừng đổi mới và sáng tạo trong công tác quản lý xây dựng, nhằm đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nguồn: <http://www.newscn.com>

Lược dịch: Bích Ngọc

Đặc điểm, mô hình thay đổi bố cục không gian các đô thị vừa và nhỏ

I. Đặc điểm của việc thay đổi bố cục không gian các đô thị vừa và nhỏ

Xét về bố cục không gian, đô thị là một kết cấu do các đơn nguyên khác biệt nhau về tính chất tạo thành, là hệ thống sinh thái phức hợp giữa con người và tự nhiên. Thông thường, trong quá trình mở rộng không gian đô thị, trước hết người ta hình thành một trung tâm, sau đó mở rộng ra bên ngoài dựa theo tuyến trục có lợi nhất, cuối cùng hình thành hệ thống bố cục không gian tương đối hoàn thiện. Nhưng sự biến động bố cục không gian của các hệ thống đô thị khác nhau lại có quy luật riêng. Về thay đổi bố cục không gian, các đô thị vừa và nhỏ cũng có đặc điểm nhất định do phải chịu ảnh hưởng của những yếu tố trong hệ thống khu vực đó khi mở rộng không gian đô thị.

1. Phụ thuộc hệ thống giao thông

Mọi người đều nhận thức rõ, điều kiện giao thông trong không gian khu vực đô thị thúc đẩy kinh tế đô thị phát triển. Xây dựng hệ thống giao thông thuận lợi và hợp lý, mới có thể có được sự lưu thông thông suốt, khiến cho kinh tế đô thị phát triển mạnh mẽ, giao thông đô thị thuận lợi là tiền đề cần thiết cho kinh tế đô thị phát triển. Do vậy, thay đổi bố cục không gian đô thị phụ

thuộc nhiều vào hệ thống giao thông đô thị đã có sẵn, bố cục không gian đô thị thường thay đổi và phát triển dọc theo mạng lưới giao thông khu vực.

2. Chịu ảnh hưởng của phương hướng phát triển đô thị lớn

a - Về mặt hành chính, so với đô thị lớn, các đô thị vừa và nhỏ là trung tâm thứ cấp trong khu vực, là trung tâm cấp cơ sở thực hiện chức năng quản lý hành chính khu vực của đô thị lớn.

b - Về mặt kinh tế xã hội, các đô thị vừa và nhỏ chịu ảnh hưởng văn hóa, ngành sản xuất, dân số... của đô thị lớn, lệ thuộc nhiều vào đô thị lớn.

c - Về mặt sinh thái, các đô thị vừa và nhỏ có nhiệm vụ cân bằng môi trường tự nhiên, giữ gìn nét đặc sắc văn hóa của khu vực, bảo đảm cho đô thị lớn phát triển cân đối.

d - Khi thay đổi bố cục không gian các đô thị vừa và nhỏ, ta phải quan tâm tới lợi ích tổng thể của khu vực, cố gắng tuân theo nhu cầu phát triển của đô thị lớn.

3. Nét đặc trưng của khu vực nổi bật

a - Mạng lưới hóa các đô thị miền đông. Từ cuối thập kỷ 80 thế kỷ XX tới nay, các đô thị vừa và nhỏ hình thành xung quanh đô thị lớn, tạo

nên năm quần thể đô thị lớn, tức là quần thể Thượng Hải – Nam Ninh – Hàng Châu, Bắc Kinh – Thiên Tân - Đường Sơn, các quần thể đô thị đồng bằng Châu Giang, miền trung và miền đông Liêu Ninh, lưu vực Tứ Xuyên. Trong đó, bốn quần thể đầu nằm ở dải đất phía đông. Do các đô thị vừa và nhỏ tập trung nhiều ở khu vực phía đông nên bốn quần thể ở phía đông đang có xu thế chuyển hướng từ trạng thái hệ thống hình thành tự phát hiện nay sang khu vực đô thị theo kiểu mạng lưới hóa có ranh giới không rõ ràng, liền kề nhau về khu vực, tác dụng tương hỗ lẫn nhau về chức năng.

b - Vành đai đô thị miền trung. Do khu vực miền trung có ưu thế địa lý và cơ sở kinh tế nhất định, trước mở cửa cải cách, các đô thị vừa và nhỏ tăng trưởng nhanh hơn miền đông, đô thị tăng trưởng tương đối lớn về số lượng. Sau khi mở cửa cải cách, theo sau xây dựng giao thông, khai thác tài nguyên và xây dựng cơ sở công nghiệp mới..., các đô thị vừa và nhỏ cũng hình thành dọc nhánh sông Trường Giang, tuyến Bắc Kinh – Quảng Châu, Bắc Kinh – Cáp Nhĩ Tân, tuyến Lũng Hải – Lan Tân, tuyến Tiêu Kỳ – Kỳ Liễu – Tương Quỹ đang hình thành một vài dải đô thị mới.

c - Các đô thị miền tây phân bố theo điểm. Do điều kiện kinh tế, địa lý tương đối kém so với khu vực khác, khu vực miền tây rộng lớn chịu nhiều hạn chế trong phân bố dân số và phát triển đô thị. Tuy từ năm 1978 tới nay, khu vực miền tây cũng xây dựng một số đô thị vừa và nhỏ, nhưng so với khu vực miền trung và miền tây, các đô thị miền tây không những ít về số lượng, mà phân phối còn phân tán, hiện nay vẫn giữ trạng thái phân tán nhỏ lẻ.

II. Mô hình thay đổi bố cục không gian các đô thị vừa và nhỏ

Các đô thị vừa và nhỏ có quá trình lịch sử, vị trí địa lý tự nhiên và giai đoạn phát triển khác nhau, bởi vậy tuy hiện nay các đô thị vừa và nhỏ đều ở vào giai đoạn mở rộng không gian mạnh mẽ nhưng vẫn có mô hình thay đổi riêng của mình.

1. Mở rộng theo kiểu cuốn chiếu

Mở rộng theo kiểu cuốn chiếu có hiệu quả hình thái được hình thành chủ yếu do mở rộng phân tán không gian trong trạng thái tương đối tự phát, khu vực trung tâm của các thành phố vừa và nhỏ có sức hút khá mạnh, không có sự can thiệp lớn của các nhân tố đặc thù trong thời kỳ đại đa số đô thị phát triển ổn định. Nó thường trở thành hình thức mở rộng chủ yếu (tác dụng nguyên lý “siêu tròn” khi mở rộng không gian đô thị trong trạng thái tự tổ chức), vì vậy chúng ta có thể tìm thấy dấu tích của phương thức phát triển này của các đô thị vừa và nhỏ khác nhau trong những thời kỳ khác nhau. Nhiều đô thị lớn và nhỏ không có điều kiện giao thông thuận lợi với bên ngoài đã áp dụng mô thức này.

2. Mở rộng theo kiểu xây dựng khu vực mới

Nhiều đô thị vừa và nhỏ khu vực đồng bằng sông Trường Giang đều xây dựng các loại hình khu phát triển khác nhau. Từ đó, những khu phát triển – chủ yếu là công nghiệp - với ý nghĩa nguyên thủy nhất này dần dần chuyển hóa khu xây dựng tổng hợp thị trấn. Nhưng do giá thành mở rộng theo phương thức này khác với cải tạo đô thị cũ hoặc xây dựng khu đô thị mới, nên khu vực mới mở rộng thường trở thành nơi mở rộng với quy mô lớn không gian đô thị vừa và nhỏ. Đó cũng là một trong những hình thức mở rộng không gian phổ biến của các đô thị vừa và nhỏ.

3. Mở rộng theo tuyến trục

Các đô thị và thị trấn nhỏ có quy mô kinh tế không lớn thường áp dụng phương thức phát triển này, vì thực lực kinh tế tương đối nhỏ và ít cơ hội phát triển, khả năng thu hút của khu vực trung tâm kém nên về tổng thể vẫn có nét đặc trưng mở rộng theo tuyến trục (chủ yếu là trục giao thông).

4. Mở rộng theo kiểu “xâm canh”

Mở rộng theo kiểu “xâm canh” có nghĩa là trong quá trình phát triển, thành phố tìm được vị trí có ưu thế sinh thái mới, đầu tư vào đó một số lượng lớn tiền vốn để khai thác xây dựng, từ đó

hình thành cục diện tương đối tách biệt với không gian khu trung tâm. Vị trí có ưu thế sinh thái đó thường là địa điểm có ưu thế tài nguyên giao thông, điểm du lịch phong cảnh hoặc khu kinh tế đặc thù... Các đô thị vừa và nhỏ áp dụng mô hình mở rộng không gian này thường nằm ở khu vực kinh tế phát triển.

III. Động lực thay đổi bố cục không gian đô thị vừa và nhỏ

Thay đổi bố cục không gian đô thị vừa và nhỏ là kết quả tác dụng tổng hợp của nhiều nhân tố, nhưng tác dụng của một vài nhân tố đô thị cũng mạnh yếu khác nhau tùy theo từng thời kỳ, tạo nên đặc điểm và mô hình thay đổi bố cục không gian khác nhau của các đô thị. Căn cứ vào phương thức chúng gây ảnh hưởng đối với việc thay đổi bố cục không gian đô thị, có thể chia các nhân tố này ra làm hai loại: nhân tố chủ quan và nhân tố khách quan.

Nhân tố khách quan là điều kiện thay đổi bố cục không gian đô thị do bối cảnh tạo ra, có tính cơ sở, tính tự nhiên và tính quy luật như tình hình địa lý tự nhiên, tình hình kinh tế, điều kiện giao thông, quy mô dân số, điều kiện kỹ thuật xây dựng... của đô thị.

Nhân tố chủ quan được chủ đạo bởi ý chí con người, thông qua tác dụng chỉ đạo của hoạt động thực tiễn đối với bố cục không gian đô thị, nảy sinh ra sau, có tính phi tự nhiên, tính năng động như hành vi tự phát trong thực tiễn của cá nhân, hoạt động quy hoạch xây dựng của chính quyền.

Những thay đổi bố cục không gian đô thị không phải bỗng dưng mà có, chúng luôn luôn là những thay đổi bố cục không gian đô thị do hoạt động xây dựng có mục đích của chính quyền, đơn vị và cá nhân trên cơ sở nhận thức điều kiện khách quan đô thị.

1. Tình hình địa lý tự nhiên

Mọi đô thị đều ở trên mặt đất có điều kiện địa lý tự nhiên. Sự hình thành, xây dựng và phát triển của nó đều có mối liên hệ mật thiết với nhân tố địa lý tự nhiên, các yếu tố địa lý tự

nhien như địa hình, địa chất, khí hậu, thủy văn, tài nguyên... có tác dụng đan xen nhau, cấu thành bối cảnh cơ sở cho đô thị tồn tại và phát triển. Có thể nói, kể từ khi đô thị ra đời, môi trường địa lý tự nhiên là điều kiện vô cùng quan trọng để mở rộng không gian đô thị.

2. Giá đất

Trong thể chế kinh tế thị trường, điều tiết địa tô đô thị là đòn bẩy kinh tế để bố trí nguồn tài nguyên đất. Đất đai có địa tô khác nhau tùy theo từng vị trí khu vực, các ngành sản xuất khác nhau có nhu cầu sử dụng đất đai. Điều này có thể khiến cho hiệu quả sử dụng và lợi nhuận đất đai trở nên lớn nhất, từ đó ảnh hưởng tới việc thay đổi bố cục không gian đô thị.

3. Quy mô và cơ cấu dân số đô thị

Xét về bản chất, mở rộng bố cục không gian đô thị là một mặt của tiến trình đô thị hóa, là quá trình đô thị hóa cảnh quan khu vực nông thôn. Không gian đô thị là môi trường của mọi hoạt động cư trú sinh hoạt của mọi người dân đô thị, dân số của đô thị và khu vực tăng trưởng khiến cho bố cục không gian đô thị phải mở rộng. Ngược lại, quy mô không gian đô thị sẽ bị thu hẹp. Thay đổi bố cục không gian đô thị là nhu cầu và sự thể hiện về mặt không gian những biến động trong quy mô và cơ cấu dân số đô thị.

4. Điều kiện kinh tế đô thị

Đô thị là trung tâm khu vực, tác dụng tương hỗ giữa đô thị với không gian trong và ngoài khu vực chủ yếu được thực hiện thông qua quan hệ kinh tế. Vì vậy, kinh tế đô thị phát triển thúc đẩy không gian đô thị mở rộng và làm thay đổi hình thái bên ngoài của đô thị, đó là động lực khiến cho không gian đô thị phải mở rộng, có tác dụng chỉ đạo trong việc mở rộng không gian đô thị.

5. Tập tục xây dựng của đô thị

Mọi quần thể con người trong một khu vực nhất định đều có phương thức sinh hoạt và làm việc đặc thù, từ đó họ có nhận thức riêng về khu vực và đô thị đang cư trú. Nhận thức này tồn tại theo quá trình lịch sử, hình thành nên phong tục

tập quán xây dựng đô thị của mọi người. Có thể đôi khi chúng ta không thể ý thức được tập tục này, nhưng nó vẫn âm thầm ảnh hưởng tới phương thức thay đổi bố cục thay đổi không gian đô thị của chúng ta.

5. Ý thức của những người làm công tác quy hoạch

Quy hoạch đô thị hiện nay là ý chí của mọi người nhằm duy trì trật tự không gian sinh hoạt công cộng và bố trí bố cục không gian sau này trong quá trình phát triển đô thị, là chỗ dựa cơ bản để quản lý đô thị và xây dựng đô thị. Những người làm công tác quy hoạch là những người thiết kế và sáng tạo ra quy hoạch đô thị. Vì vậy, những người làm công tác quy hoạch đô thị nhận thức đô thị với quan điểm nào, đứng trên cơ sở nào để thiết kế bố cục không gian đô thị trong tương lai, điều này có ý nghĩa quan trọng đặc thù khi thay đổi bố cục không gian đô thị.

IV. Kết luận

Phương thức thay đổi bố cục không gian đô

thị, giai đoạn thay đổi bố cục không gian đô thị và mô thức thay đổi của các đô thị vừa và nhỏ có đặc điểm riêng của mình. Những đặc điểm này lắng đọng tích tụ lại trong quá trình phát triển lâu dài của không gian đô thị và được thể hiện ra với hình thái không gian mang đậm phong cách cá tính của khu vực. Cơ chế động lực làm thay đổi bố cục không gian đô thị là các nhân tố sâu xa quyết định phương hướng thay đổi, quy mô mở rộng và cả mô thức thay đổi bố cục không gian đô thị vừa và nhỏ. Cơ chế động lực này là một hệ thống phức hợp do nhiều nhân tố động lực liên hệ chặt chẽ với nhau tạo thành, chúng kìm hãm hoặc thúc đẩy lẫn nhau, tạo thành lực tổng hợp tác dụng lên bố cục không gian đô thị.

Hoàng Tôn

Tạp chí "Xây dựng đô thị và nông thôn"

số 6 năm 2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp Chủ tịch Tập đoàn Nikken Seikkei Nhật Bản

Sáng ngày 09/2/2012, tại Trụ sở Cơ quan Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã tiếp đoàn công tác của Tập đoàn Nikken Seikkei Nhật Bản do ông Mitsuo Nakamura - Chủ tịch Tập đoàn Nikken Seikkei dẫn đầu.

Tiếp kiến Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng, Chủ tịch Mitsuo Nakamura đã thay mặt đoàn công tác của Nikken Seikkei bày tỏ vui mừng được đến thăm Bộ Xây dựng và cảm ơn Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đã dành thời gian tiếp đoàn.

Ông Mitsuo Nakamura cho biết, Tập đoàn Nikken Seikkei là một trong những tập đoàn tư vấn xây dựng hàng đầu của Nhật Bản, đã và đang thiết kế và quy hoạch nhiều dự án lớn ở Nhật Bản và ở nhiều nước trên thế giới. Tại Việt Nam, Nikken Seikkei đã tham gia một số dự án có quy mô lớn như: Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng đô thị thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, Quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Vinh đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050, Dự án thiết kế Bảo tàng Lịch sử Quốc gia... Nikken Seikkei cũng đã giành được những giải thưởng về thiết kế công trình ở Việt Nam như: Giải nhất thiết kế Bảo tàng Lịch sử Quốc gia, Giải nhất thiết kế Tổ hợp kiến trúc Petro Việt Nam... Trong chuyến đến thăm Bộ Xây dựng Việt Nam lần này, Chủ tịch Nikken Seikkei Mitsuo Nakamura cũng bày tỏ mong muốn được thiết kế Trụ sở mới của Bộ Xây dựng - đang có kế hoạch xây dựng tại khu vực Tây Hồ Tây.

Thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng đánh giá cao lịch sử phát triển, truyền thống của Tập đoàn Nikken Seikkei, cũng như những sản phẩm do Nikken Seikkei thiết kế ở Nhật Bản và nhiều nước trên thế giới. Với đội ngũ nhân lực hùng hậu và chuyên



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và ông Mitsuo Nakamura - Chủ tịch Tập đoàn Nikken Seikkei



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và các cán bộ của Bộ Xây dựng chụp ảnh lưu niệm với đoàn công tác của Tập đoàn Nikken Seikkei

nghiệp, Nikken Seikkei ngày càng khẳng định được thương hiệu và uy tín trong lĩnh vực tư vấn thiết kế. Trong bối cảnh quan hệ hợp tác tốt đẹp giữa Việt Nam và Nhật Bản, sự tham gia của Nikken Seikkei trong các dự án quy hoạch, thiết kế xây dựng công trình ở Việt Nam sẽ giúp cho Việt Nam có nhiều dự án, công trình áp dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, phù hợp với bản sắc văn hóa của Việt Nam.

Về dự án xây dựng Trụ sở mới của Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng giới thiệu Tập đoàn Nikken Seikkei tiếp xúc và làm việc cụ thể với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Trụ sở mới của Bộ Xây dựng, đề nghị Nikken Seikkei

để xuất những ý tưởng thiết kế sơ bộ trong thời gian sớm nhất để Bộ Xây dựng xem xét.

Nhân dịp năm mới 2012, thay mặt lãnh đạo Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng chúc Tập đoàn Nikken Seikkei ngày càng phát triển,

là cầu nối cho việc tăng cường thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Nhật Bản.

Minh Tuấn

LỄ PHÁT ĐỘNG Phong trào thi đua liên kết xây dựng Nhà máy Thủy điện Lai Châu

Ngày 3/2/2012 trên công trường xây dựng Nhà máy thủy điện Lai Châu (xã Nậm Hắng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu), Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (TLDLĐVN) đã chính thức phát động “Phong trào thi đua liên kết xây dựng Nhà máy thủy điện Lai Châu”. Tham dự buổi Lễ có ông Thái Phụng Nê - Phó Trưởng ban Chỉ đạo nhà nước Dự án thủy điện Sơn La – Lai Châu; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh; Chủ tịch CĐLĐVN Nguyễn Văn Bình, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu Lê Trọng Quảng và lãnh đạo Công đoàn Điện lực Việt Nam, Liên đoàn Lao động tỉnh Lai Châu...

Được giao nhiệm vụ thi công xây dựng Nhà máy thủy điện (NMTĐ) Lai Châu - công trình thủy điện lớn thứ ba Đông Nam Á, có công suất 1.200MW với 3 tổ máy là tổ hợp nhà thầu do Tập đoàn Sông Đà là tổng thầu và các nhà thầu thành viên là TCty Lắp máy Việt Nam (Lilama), TCty Xây dựng và Phát triển hạ tầng (Licogi), TCty Xây dựng Trường Sơn (Bộ Quốc phòng), ... Đây đều là những đơn vị đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong quá trình xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La.

Sau hơn một năm bắt đầu triển khai thi công trong điều kiện vốn của công trình hết sức khó khăn, nhưng các nhà thầu đã huy động lên công trường 18 đơn vị, doanh nghiệp với gần 4.000 công nhân, lao động, hơn 400 đầu xe máy các loại và nhiều thiết bị thi công khác đáp ứng năng lực thi công đào đắp 1,4-1,6 triệu mét khối đất, đá/tháng, đổ bê tông 30.000m³/ tháng...

Đến nay, toàn công trường đã đào được 13 triệu m³ đất đá/16 triệu m³ đất, đá theo thiết kế;



Quang cảnh Lễ ký

thi công 85.000m³ bê tông, xây dựng được 40.000m² nhà ở cho CNLĐ (đáp ứng đủ 4.000 chỗ ở) và cơ bản hoàn thành hệ thống đường giao thông, cấp điện, cấp nước... Để đáp ứng yêu cầu tiến độ, trên công trường NMTĐ Lai Châu trong những ngày Tết Nhâm Thìn vừa qua, vẫn có trên 2.000 CB, kỹ sư, CN làm việc 3 ca liên tục. Hiện tại, công trình NMTĐ Lai Châu đang tập trung mọi nguồn lực để thi công đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ, mà trước mắt là ngăn sông đợt 1, đợt 2 thắng lợi, tiến tới phát điện tổ máy 1 vào năm 2016.

Khối lượng công việc phải hoàn thành trước ngăn sông đợt 1 còn tới 2,2 triệu m³ đào đất đá 0,35 triệu m³ đắp; đổ bê tông cống dẫn dòng là 70.000m³; lắp đặt thiết bị thủy công là 872 tấn; khoan phun gia cố và chống thấm là 1.600m dài

Trước đây, lực lượng thanh niên trên công trường đã đăng ký thi đua với Công trình thanh niên Lai Châu, tuy nhiên để bảo đảm tiến độ cũng như nâng cao chất lượng công trình, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã chính thức

phát động thi đua liên kết tới toàn bộ các lực lượng thi công.

Theo ông Thái Phụng Nê- lực lượng thi công thủy điện Lai Châu vốn đã từng làm nên thành công ở thủy điện Sơn La với việc đưa công trình vào khai thác sớm 3 năm, phát huy tinh thần ấy chắc chắn công trình thủy điện Lai Châu sẽ được phát điện sớm hơn một năm so với kế hoạch.

Hưởng ứng phong trào, các lực lượng trên công trường đã cùng ký vào giao ước “Chiến dịch thi đua đảm bảo ngăn sông đợt I thắng lợi” vào ngày 20.4.2012.

Theo Phó Chủ tịch TLĐLĐVN- Mai Đức Chính: năm 2012 là năm bản lề cho sự thành công của việc xây dựng NMTĐ Lai Châu. Đây là năm có ý nghĩa quan trọng quyết định đến tiến trình thực hiện dự án với các mục tiêu quan trọng là ngăn sông và chống lũ thành công. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu “Đảm bảo chất lượng, tiết kiệm, an toàn và vượt tiến độ” đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu cao nhất của tất cả các đơn vị tham gia thực hiện dự án. Công đoàn các đơn vị tham gia thi công trên công trường cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền đồng cấp và các đơn vị bạn, nỗ lực thi đua vì mục tiêu chung, quan tâm chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho CNVCLĐ; thường xuyên phát hiện, biểu dương khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đưa phong trào thi đua liên kết xây dựng công trình thủy điện Lai Châu đạt kết quả



Trên công trường thi công NMTĐ Lai Châu

cao nhất...”

NMTĐ Lai Châu là NMTĐ cuối cùng trong quy hoạch bậc thang thủy điện trên dòng chính Sông Đà. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 819/QĐ-TTg ngày 7/6/2010. Đây là dự án trọng điểm nhà nước có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội đối với cả nước nói chung và đồng bào các dân tộc Tây Bắc nói riêng.

Sau khi hoàn thành nhà máy sẽ cung cấp 4,69 tỉ kWh/năm, góp phần quan trọng phục vụ điện cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước. Theo kế hoạch, các mốc tiến độ chính của công trình như sau: ngăn sông Đà đợt I vào 20.4.2012; ngăn sông Đà đợt II vào giữa tháng 11.2014; đóng cống dẫn dòng và tích nước vào cuối tháng 5.2015; phát điện tổ máy số 1 vào cuối tháng 3.2016; hoàn thành công trình vào năm 2017.

Mỹ Phượng

Hội nghị tổng kết hoạt động năm 2011, phương hướng kế hoạch năm 2012 của Ban chỉ đạo Trung ương về Chính sách nhà ở và Thị trường bất động sản

Sáng ngày 14/2/2012, tại cơ quan Bộ Xây dựng, kỳ họp thứ IX của Ban chỉ đạo Trung ương (BCĐ TW) về Chính sách nhà ở và Thị trường bất động sản (BDS) đã diễn ra dưới sự chủ trì của đồng chí Hoàng Trung Hải, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng BCĐ TW. Tham dự

cuộc họp có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Trần Nam; các thành viên BCĐ là đại diện các Bộ, Ngành liên quan như Bộ Kế hoạch & Đầu tư, Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ...; đại diện Văn phòng thường trực BCĐ TW; các chuyên gia của BCĐ.

Theo báo cáo kết quả hoạt động năm 2011 và kế hoạch hoạt động năm 2012 từ Văn phòng thường trực BCĐ TW, năm 2011 tuy tình hình kinh tế nước ta nói riêng và tình hình thế giới nói chung còn nhiều khó khăn, bất ổn; song BCĐ đã đạt được nhiều thành tích to lớn trong công tác, cụ thể là đã chỉ đạo xây dựng những chính sách lớn liên quan đến nhà ở và thị trường BĐS, trong đó có Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng phê duyệt bằng Quyết định số 2127/QĐ-TTg ra ngày 30/11/2011; soạn thảo Đề án “Hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ lụt vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền Trung” đã trình Thủ tướng xem xét và phê duyệt ngày 23/11/2011. Bên cạnh đó, BCĐ TW còn kiểm tra hướng dẫn đôn đốc đẩy mạnh thực hiện các chương trình nhà ở trọng điểm; nghiên cứu đề xuất một số giải pháp để ổn định thị trường BĐS; bước đầu phối hợp với Tổ chức định cư Liên hợp quốc tại Việt Nam (UN-HABITAT Vietnam) đạt được những kết quả thiết thực... Năm 2012, BCĐ TW sẽ hoàn thành những công việc chuyển tiếp từ năm 2011; đôn đốc triển khai thực hiện Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia và thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp tăng cường quản lý thị trường BĐS.

Tại cuộc họp, thay mặt Lãnh đạo Bộ Xây dựng, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam đã báo cáo với Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải những kết quả hoạt động trong lĩnh vực nhà ở và thị trường BĐS của Bộ Xây dựng – cơ quan thường trực BCĐ. Theo báo cáo, trong năm 2011, Bộ Xây dựng đã phối hợp cùng các Ban, Ngành TW và địa phương triển khai và bước đầu thực hiện tốt 05 chương trình phát triển nhà ở trọng điểm: chương trình hỗ trợ người nghèo về nhà ở (năm 2011, Bộ đã quan tâm chỉ đạo sát sao và hoàn thành cơ bản chương trình này với kết quả 98,2% so với mục tiêu hỗ trợ cho trên 500 nghìn hộ nghèo có khó khăn về nhà ở khu vực nông thôn); chương trình xây cụm, tuyến dân



Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải chủ trì Hội nghị
cư vượt lũ giai đoạn 2 đã triển khai thực hiện tại 7 tỉnh thành vùng ĐBSCL; chương trình đầu tư xây dựng nhà ở cho sinh viên (trong 94 dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục và ghi trong Nghị quyết số 881/NQ-UBTVQH12 ngày 4/2/2010 có 251 bloc được khởi công năm 2009, cho tới nay đã có 153 bloc hoàn thành đưa vào sử dụng, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt học tập cho 130 nghìn sinh viên); chương trình nhà ở cho công nhân lao động tại khu công nghiệp; chương trình nhà ở cho người có thu nhập thấp tại đô thị (Đây là chính sách rất phù hợp, chủ yếu góp phần giải quyết nhà ở cho người có thu nhập thấp tại các đô thị lớn có giá nhà ở, giá đất quá cao so với mức thu nhập bình quân của người lao động. Tuy nhiên do khó khăn về nguồn vốn nên tiến độ triển khai còn chậm. Để góp phần tháo gỡ khó khăn, Bộ Xây dựng đang xúc tiến việc hợp tác với Ngân hàng CDB (Trung Quốc), đồng thời trong năm 2012, Bộ tiếp tục nghiên cứu sửa đổi Nghị định 67 nhằm tạo điều kiện tiếp cận với các Chính sách của nhà nước cho nhiều đối tượng hơn nữa). Về công tác quản lý nhà nước đối với thị trường BĐS, Bộ đã đề xuất được một số giải pháp quản lý để thị trường này phát triển lành mạnh. Về kế hoạch hoạt động của Bộ Xây dựng năm 2012, Thứ trưởng Nguyễn Trần Nam khẳng định: Bộ sẽ tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị 2196/CT-TTg ngày 6/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp tăng cường quản lý thị trường BĐS, qua đó rà soát,

điều chỉnh một số dự án sao cho phù hợp với nhu cầu, nguồn lực cũng như mục tiêu dự án hướng tới. Một nhiệm vụ nữa Bộ Xây dựng cam kết thực hiện là Bộ sẽ nghiên cứu điều chỉnh lại Luật Xây dựng, Luật nhà ở, Luật Kinh doanh BĐS nhằm tạo hành lang pháp lý, đảm bảo tính minh bạch, bền vững cho sự phát triển của thị trường BĐS.

Phát biểu tại cuộc họp, Trưởng BCĐ TW, Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải đã nêu rõ: Để đạt được mục tiêu 30m² nhà ở/người năm 2030 mà Chiến lược nhà ở quốc gia đề ra rất cần sự cố gắng nỗ lực và phối hợp đồng bộ của các Ban Ngành TW, trong đó vai trò của Bộ Xây dựng là vô cùng to lớn. Phó Thủ tướng nhấn mạnh: nhiệm vụ của BCĐ TW trong năm 2012 này là cần ổn định thị trường BĐS; giải quyết những thách thức về nguồn lực để làm sao không gây bất ổn về kinh tế; huy động những

kênh vốn khác để giảm bớt gánh nặng cho Ngân hàng; khống chế tỷ lệ quỹ tín dụng và nghiên cứu đưa tín dụng vào những phân khúc hợp lý. Phó Thủ tướng cũng đề xuất tiếp tục đẩy mạnh việc nghiên cứu đề án và đưa vào triển khai mô hình nhà cho thuê, đồng thời hình thành những doanh nghiệp chuyên cho thuê, kèm theo là các cơ chế chính sách cho hoạt động của loại hình doanh nghiệp này.

Cũng trong buổi họp, các thành viên BCĐ đã nghe tổ chuyên gia của BCĐ báo cáo tóm tắt Đề án Quỹ tiết kiệm nhà ở và Đề án Hỗ trợ hộ nghèo vùng thường xuyên bị bão lũ miền Trung về nhà ở, và cùng thảo luận đóng góp nhiều ý kiến thiết thực cho các Đề án này cũng như cho nhiệm vụ trọng tâm của BCĐ trong năm 2012.

Lệ Minh

Phát triển nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội

Là một trong những địa phương đầu tiên của cả nước đã xây dựng và thực hiện Chương trình phát triển nhà ở của Thành phố để giải quyết nhà ở cho các đối tượng dân cư trên địa bàn, những năm qua, Hà Nội đã tập trung chỉ đạo phát triển nhà ở theo dự án xây dựng các khu nhà ở, khu đô thị đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và dịch vụ đô thị, mỗi năm đưa khoảng 2-3 triệu m² nhà ở vào sử dụng. Thành phố cũng chú trọng xây dựng, phát triển các mô hình nhà ở xã hội như Làng sinh viên Hacinco, nhà cho công nhân thuê tại Kim Chung - Đông Anh, nhà cho người nghèo tại Nghĩa Đô, giải quyết bán hàng ngàn căn hộ thuộc quỹ nhà 50% cho các đối tượng là cán bộ, công nhân viên chức ... nhưng về cơ bản, các dự án trên còn nhỏ, lẻ, số lượng hạn chế, trong khi còn có rất nhiều hộ gia đình cán bộ, công nhân viên chức, người lao động ở Thủ đô, công nhân lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất,

học sinh các trường đại học, cao đẳng tại Hà Nội vẫn đang gặp khó khăn về nhà ở...

Thực hiện Luật Nhà ở, UBND thành phố Hà Nội đã phê duyệt "Đề án đầu tư xây dựng thí điểm nhà ở xã hội trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2007-2010"; Thực hiện Nghị quyết số 18/2009/NQ-CP của Chính phủ, các Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg, 66/2009/QĐ-TTg, 67/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Thành phố Hà Nội đã có Kế hoạch phát triển nhà ở cho học sinh, sinh viên các cơ sở đào tạo và nhà ở cho công nhân lao động tại các KCN tập trung, nhà ở cho người thu nhập thấp giai đoạn 2009 - 2015 với mục tiêu đến năm 2015 đáp ứng chỗ ở cho 60% sinh viên các cơ sở đào tạo (75.000 căn hộ, tương ứng 4,5 triệu m² sàn); 50% công nhân các khu công nghiệp tập trung (28.750 căn hộ, tương ứng 1,6 triệu m² sàn) và 15000 căn hộ, tương ứng 1,1 - 1,5 triệu m² sàn cho người thu nhập thấp khu vực đô thị.

Tính đến hết năm 2011, Hà Nội đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 815 căn hộ nhà ở xã hội tại Khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên, trong đó có 515 căn hộ cho thuê diện tích từ 36-63m² được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, 300 căn hộ diện tích từ 35-60m² được đầu tư từ nguồn vốn vay của Quỹ đầu tư phát triển Hà Nội và vốn huy động.

Thành phố đã chấp thuận cho phép khởi công cũng như đã và đang triển khai 11 dự án đầu tư xây dựng nhà ở cho người thu nhập thấp trên địa bàn với quy mô 11.714 căn hộ, tổng diện tích đất ở không kể diện tích hạ tầng kỹ thuật - xã hội của các dự án là 21ha, đáp ứng chỗ ở cho khoảng trên 39.000 người. Trong đó, 6 dự án đã hoàn thành và tổ chức bốc thăm ký hợp đồng bán và đưa vào sử dụng 3.750 căn hộ, bao gồm các dự án Kiến Hưng - Hà Đông, Sài Đồng - Long Biên, Đặng Xá - Gia Lâm, Đại Mỗ - Từ Liêm và CT1 - Khu dân cư Ngô Thị Nhậm - Hà Đông.

Về nhà ở cho sinh viên, Hà Nội đã và đang triển khai 10 dự án xây dựng ký túc xá sinh viên trên địa bàn đã được Chính phủ ghi danh mục và cho phép đầu tư, đáp ứng chỗ ở cho khoảng 43.648 sinh viên, với tổng nhu cầu vốn đầu tư được phê duyệt là 3.075 tỷ đồng, gồm: 2 dự án xây dựng ký túc xá sinh viên tập trung tại khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp và khu đô thị mới Mỹ Đình II, đáp ứng chỗ ở cho 29.364 sinh viên; 8 dự án xây dựng ký túc xá trong khuôn viên các trường đại học (Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Thủy lợi, Sư phạm, Điện lực, Ngoại thương, Cao đẳng Việt Hưng, Học viện Hành chính)

Về nhà ở cho công nhân khu công nghiệp, Hà Nội đã triển khai đầu tư 3 dự án tại xã Kim Chung - Đông Anh; KCN Bắc Phú Cát; KCN Phú Nghĩa với quy mô theo thiết kế 3.244 căn hộ, diện tích sàn xây dựng khoảng 242.280m², đáp ứng cho 16.300 công nhân. Trong đó đã hoàn thành và đưa vào sử dụng 864 căn hộ tại khu Kim Chung, cung cấp chỗ ở cho gần 10.000 công nhân KCN Bắc Thăng Long thuê.



*Khu nhà ở cho người thu nhập thấp CT1 -
Ngõ Thi Nhậm, Hà Đông*

Theo Báo cáo của Sở Xây dựng Hà Nội tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ kế hoạch năm 2012 của ngành Xây dựng, công tác phát triển nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Hà Nội còn gặp nhiều vướng mắc, khó khăn. Một trong những nguyên nhân dẫn đến chậm trễ trong việc triển khai các dự án nhà ở xã hội là khó khăn về nguồn vốn. Về nguyên tắc, khi triển khai xây dựng nhà ở xã hội, chủ đầu tư sẽ được vay vốn hỗ trợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) với lãi suất ưu đãi. Tuy nhiên, trên thực tế, đến nay, mới chỉ có 1 trường hợp nhà ở cho người thu nhập thấp tại Đặng Xá được vay vốn, nhưng tiến độ giải ngân cũng rất chậm. Do vậy, giá thành nhà thu nhập thấp giảm rất ít so với nhà thương mại (do chỉ được miễn tiền sử dụng đất). Bên cạnh đó, tính đến thời điểm này, chưa có quy định bắt buộc về thiết kế, công nghệ, quy mô tòa nhà đối với nhà thu nhập thấp (ngoại trừ căn hộ không quá 70 m²), vì vậy, giá bán nhà có sự chênh lệch gây bức xúc trong dư luận. Ngoài ra, việc xác định giá bán nhà, thuê nhà, thuê mua nhà quy định tại Thông tư 15/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng được quy định trên cơ sở quyết toán công trình, trong khi đó theo quy định các chủ đầu tư được ký hợp đồng mua bán nhà, huy động vốn khi xong móng, do đó, việc tạm tính giá trong hợp đồng mua bán nhà cũng gây thắc mắc cho người mua.

Tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ kế hoạch

ngành Xây dựng năm 2012 do Bộ Xây dựng tổ chức mới đây, Phó Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội Nguyễn Văn Khôi cho biết, Hà Nội sẽ tập trung huy động mọi nguồn lực, dành quỹ đất để xây dựng và dự trù các giải pháp cụ thể để thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia. Kế hoạch của Hà Nội đến năm 2015, phấn đấu đưa diện tích nhà ở bình quân lên mức 26-28m² sàn/người. Ngoài 15.000 căn hộ

cho người TNT (tương đương với 1,5 triệu m² sàn), TP cũng "hứa" trong 4 năm tới sẽ đáp ứng 60% chỗ ở dành cho sinh viên (tương đương với 75.000 căn hộ trên 4,5 triệu m² sàn); 50% chỗ ở cho công nhân các khu công nghiệp tập trung (tương đương với 28.750 căn hộ trên 1,6 triệu m² sàn)/.

Minh Tuấn

Thái Bình hoàn thành công tác quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới trên toàn tỉnh

Xây dựng nông thôn mới là vấn đề quan trọng nhằm tạo sự chuyển biến trong sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng CNH, HĐH, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Thái Bình là tỉnh nông nghiệp có dân số 1,8 triệu người, trong đó hơn 90% là nông dân sống ở nông thôn, trong các thôn, làng, xã gắn kết chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi. Do đó, quy hoạch xây dựng nông thôn mới đi trước một bước đối với tỉnh Thái Bình xác định vừa là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách vừa mang tính chiến lược lâu dài.

Theo báo cáo của Sở Xây dựng Thái Bình, ngay từ cuối năm 2007, Sở Xây dựng Thái Bình đã đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh lập Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình. Được UBND tỉnh phê duyệt vào ngày 25/9/2009, Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã quy định quy trình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và các chỉ tiêu kỹ thuật về diện tích đất, quy mô công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội ở nông thôn đảm bảo cho mọi tầng lớp nhân dân dễ nghe, dễ hiểu và dễ áp dụng.

Mục tiêu xây dựng nông thôn mới của tỉnh Thái Bình là: sản xuất phát triển; giao thông thuận tiện; đời sống sung túc; làng xã văn minh; quản lý dân chủ và lấy mục tiêu sản xuất phát triển là bước đột phá đầu tiên. Do đó, quy hoạch xây dựng nông thôn mới của tỉnh Thái Bình là

quy hoạch "3 trong 1", kết hợp 3 chuyên ngành: xây dựng - nông nghiệp và phát triển nông thôn - quy hoạch sử dụng đất, gồm 3 nội dung quy hoạch: quy hoạch mạng lưới điểm dân cư nông thôn và phân vùng sản xuất nông nghiệp (gọi chung là quy hoạch xây dựng nông thôn mới; quy hoạch chi tiết hệ thống thủy lợi và giao thông nội đồng; quy hoạch chi tiết Trung tâm xã.

Ngay sau khi Đề án quy hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thái Bình được phê duyệt, tháng 10/2009, Sở Xây dựng Thái Bình đã chủ động mời và tổ chức gặp gỡ hơn 30 đơn vị tư vấn trong và ngoài tỉnh, lựa chọn được 27 đơn vị tư vấn đủ điều kiện tham gia lập quy hoạch giới thiệu cho các huyện để tổ chức lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Tính đến hết tháng 10/2011, toàn bộ 267 xã của tỉnh Thái Bình đã phê duyệt xong quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới, 60% số xã được phê duyệt xong quy hoạch chi tiết hệ thống thủy lợi và giao thông nội đồng và 30% số xã được duyệt quy hoạch chi tiết Trung tâm xã.

Ông Phạm Công Thành - Giám đốc Sở Xây dựng Thái Bình cho biết, trong 3 năm qua, tỉnh Thái Bình đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ về xây dựng nông thôn mới nhằm thực hiện mục tiêu quy hoạch xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, đáp ứng tốt yêu cầu sản xuất và đời sống, kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông

thôn được nâng cao, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, môi trường sinh thái được bảo vệ, hệ thống chính trị ở nông thôn vững mạnh.

Có thể thấy rõ, tại các xã điểm xây dựng nông thôn mới, bước đầu đã có sự chuyển biến nhanh cả về sản xuất, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; nhất là việc nhận thức và trách nhiệm của nhân dân đối với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới được nâng cao, thể hiện bằng sự đồng tình ủng hộ, góp ngày công, kinh phí, đất đai.

Sau 3 năm, cả 8 xã điểm đã quy hoạch vùng sản xuất hàng hoá tập trung, bố trí cây trồng có chất lượng hiệu quả cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên và lợi thế sẵn có. Vì vậy, diện tích và năng suất các loại cây trồng đều cao, có chất lượng tốt hơn. Cụ thể, xã Trọng Quan bố trí vùng sản xuất khoai tây tập trung 100 ha; xã Thanh Tân bố trí cây đậu tương, màu đông 100ha; xã Nguyễn Xá bố trí vùng lúa chất lượng cao (Bắc thơm, T10) 100 ha; xã Quỳnh Minh bố trí 52 ha ớt; Xã Hồng Minh bố trí 4 vùng sản xuất nông nghiệp hàng hoá tổng diện tích 533,6ha, vùng lớn nhất 175 ha sản xuất 2 vụ lúa và một vụ đông, vùng nhỏ nhất diện tích 85ha.

Tại các vùng sản xuất hàng hoá, thu nhập của nông dân cao hơn so với những năm trước, trong đó vùng ớt, vùng khoai tây có thu nhập cao hơn từ 2 - 3 lần.

Đồng thời, để thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới, các cấp, các ngành đã lồng ghép các chương trình và huy động mọi nguồn lực để xây dựng nông thôn mới.

Có lẽ chưa bao giờ tại Thái Bình chỉ trong thời gian ngắn các nguồn vốn được huy động để xây

dựng các công trình hạ tầng lớn như thời gian vừa qua. Từ năm 2009 đến nay, tổng nguồn vốn huy động cho 8 xã điểm đạt 559,452 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn nhân dân đóng góp 91 tỷ đồng.

Từ các nguồn vốn trên, các xã tập trung xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi để tạo bước đột phá về sản xuất nông nghiệp và các công trình phúc lợi chung như: Công trình văn hoá, giáo dục, y tế, cấp nước sạch... Cụ thể: Xây dựng hoàn thành 7 trường Trung học cơ sở, tiểu học và 5 trường mầm non; xây mới 1 nhà văn hoá xã, 11 nhà văn hoá thôn; 1 trạm y tế xã...; đào đắp 498.804 m³ bờ vùng, bờ thửa; cứng hóa 45 km kênh mương; xây mới và cải tạo, nâng cấp 8 trạm bơm...

Bên cạnh đó, các phong trào hiến đất, công trình, ngày công lao động diễn ra sôi nổi, rộng khắp ở các địa phương, như xã Hồng Minh có 31 hộ dân hiến đất làm đường thôn với diện tích là 1.370m²; xã Thanh Tân đã phóng tuyến phát quang lộ giới dài 27,6km đường thôn, các hộ dân hiến 1.301m² đất.

Theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Thái Bình thi đến hết Quý II/2012, Thái Bình sẽ hoàn thành tất cả các loại quy hoạch xây dựng nông thôn mới, đến năm 2015 sẽ có ít nhất 8-12 xã trong tổng số 70 xã được tập trung chỉ đạo đạt 19 tiêu chí nông thôn mới, 8 xã đạt 19 tiêu chí vào năm 2013. Các xã còn lại đều đạt từ 10 tiêu chí trở lên. Đến năm 2020, 285 xã, phường đạt từ 15 tiêu chí trở lên; 6 huyện, thành phố đạt huyện, thành phố nông thôn mới./

Minh Tuấn

Phục vụ đồng bộ, hoàn thiện thể chế quản lý nhà ở cho thuê - kinh nghiệm của thành phố Ninh Ba, Trung Quốc

Thời gian gần đây, hệ thống bảo đảm nhà ở của thành phố Ninh Ba, Trung Quốc ngày càng được hoàn thiện, giải quyết hiệu quả những khó khăn về nhà ở cho nhiều hộ gia đình có thu

nhập trung bình và thấp ở đô thị. Tuy nhiên, vấn đề nổi cộm hiện nay vẫn là khó khăn về nhà ở của những người có thu nhập trung bình và thấp, công nhân thời vụ, nhà ở để thu hút nhân

tài. Năm 2008, thành phố Ninh Ba đã triển khai thí điểm xây dựng nhà ở tập thể cho thuê. Năm 2010, thành phố đẩy mạnh xây dựng nhà ở tập thể cho thuê, hình thành hệ thống bảo đảm nhà ở thành phố, thị trấn - chủ yếu là nhà ở tập thể cho thuê. Thành phố Ninh Ba có hai nguồn nhà ở tập thể cho thuê chính, đó là: nguồn nhà do doanh nghiệp tự đầu tư xây dựng, hầu hết là nhà tập thể, cho cán bộ công nhân viên chức của doanh nghiệp đó ở, do doanh nghiệp đó tự quản lý; nhà ở do chính quyền xây dựng, bao gồm nhà ở tập thể cho thuê xây dựng trong khu công nghiệp và khu vực thành phố. Chính quyền kiên trì vừa đồng bộ hóa công trình xây dựng vừa quản lý phục vụ loại nhà ở này, tích cực tìm tòi và hoàn thiện mô hình quản lý.

I. Thiết thực chú trọng đồng bộ hóa công trình nhà ở tập thể cho thuê

Xuất phát từ góc độ tiện ích cho cư trú sinh hoạt, tiện cho quản lý lâu dài và hiệu quả, chú trọng sửa đổi thiết kế và bố cục không gian nhà ở tập thể cho thuê và đồng bộ hóa công trình công cộng.

1. Tối ưu hóa bố cục không gian

Công tác xây dựng tiểu khu nhà ở tập thể cho thuê tuân theo nguyên tắc kết hợp “tập trung với phân tán”:

a - Kết hợp xây dựng các điểm có vị trí phân tán với xây dựng tương đối tập trung trong các khu công nghiệp, cung cấp cho công nhân viên chức trong khu công nghiệp.

b - Khu huyện thị xây dựng tập trung nhà ở tập thể cho thuê thành từng mảng lớn trong đô thị, cho các gia đình có thu nhập trung bình và thấp gần đó thuê để ở. Khi chọn địa điểm xây dựng nhà ở tập thể cho thuê, phải đồng thời quan tâm xây dựng các công trình công cộng phục vụ đồng bộ như công trình giao thông, chợ, trường học, bệnh viện..., tạo ra môi trường cư trú thuận lợi cho nhân dân.

2. Tăng cường sửa đổi thiết kế

Cố gắng thiết kế nhà ở tập thể cho thuê sao cho “nhà diện tích nhỏ nhưng có đầy đủ công năng”, mỗi căn hộ đều có phòng vệ sinh, nhà

bếp, phòng khách, phòng ngủ và sân phơi riêng biệt. Căn cứ vào đặc điểm khí hậu của Ninh Ba, nhấn mạnh tác dụng của việc lấy ánh sáng và thông gió tự nhiên, trang trí căn hộ một cách đơn giản, bố trí đầy đủ vị trí lắp đặt thiết bị nhà bếp, máy đun nước nóng bằng năng lượng mặt trời, tủ tường, điều hòa không khí, vô tuyến máy giặt, ổ cắm điện... trong phòng. Tiêu chuẩn thiết kế về cảnh quan, tiết kiệm năng lượng và ít phát thải CO₂, tự động hóa... đều không kém tiêu chuẩn xây dựng của các khu nhà ở thương mại.

3. Hoàn thiện phục vụ công cộng đồng bộ

Các khu nhà ở tập thể cho thuê được xây dựng tập trung đều dựa trên cơ sở quản lý quy phạm và chuyên nghiệp, đặc biệt nhấn mạnh chức năng phục vụ cho thuê nhà ở, tăng cường không gian và nơi sinh hoạt cộng đồng.

a - Bố trí trung tâm phục vụ cho thuê nhà ở tập thể cho thuê, cung cấp dịch vụ “một cửa”.

b - Bố trí trung tâm hoạt động công cộng, cung cấp địa điểm dành cho các hoạt động văn hóa thể thao công cộng, bao gồm phòng thể dục, phòng bóng bàn, bi a, phòng đọc sách...

c - Bố trí trung tâm phục vụ cộng đồng và phòng bảo vệ, mang lại dịch vụ công cộng cơ bản, tăng cường quản lý trị an khu dân cư.

d - Bố trí và tận dụng các công trình thương nghiệp xung quanh để thu hút các dịch vụ sinh hoạt cơ bản như ngân hàng, bưu chính, thông tin, siêu thị, ăn uống...

II. Đẩy mạnh tăng cường quản lý phục vụ nhà ở tập thể cho thuê

Mang lại môi trường cư trú “an toàn, văn minh và tiện lợi” cho các hộ cư trú, thực hiện bảo đảm nhà ở tập thể cho thuê một cách liên tục và có trật tự, thành phố Ninh Ba không ngừng tạo ra những mô hình quản lý và phục vụ mới.

1. Xác định rõ chủ thể quản lý phục vụ

Cơ quan bảo đảm nhà ở chịu trách nhiệm đề ra chính sách nhà ở tập thể cho thuê, giao nhiệm vụ thực hiện, giám sát kiểm tra... Các

nhà ở tập thể cho thuê do chính quyền xây dựng lấy khu huyện (thị) làm đơn vị, có nghiệp chủ là công ty quản lý xây dựng nhà ở tập thể cho thuê trực thuộc cơ quan bảo đảm nhà ở, họ chịu trách nhiệm tập trung nguồn nhà, lưu thông tiền vốn, sắp xếp lập kế hoạch, tu sửa. Công ty quản lý xây dựng nhà ở tập thể cho thuê ủy thác cho các công ty chuyên ngành như công ty dịch vụ nhà đất... quản lý hàng ngày theo hướng thị trường hóa.

2. Hoàn thiện công tác quản lý hàng ngày

a - Thực hiện quản lý theo hướng thị trường hóa và xã hội hóa. Đơn vị chủ quản ủy thác cho công ty quản lý phục vụ chuyên ngành quản lý thống nhất và cụ thể, công ty quản lý phục vụ chuyên ngành đảm nhận quản lý, phục vụ nhà đất, thu tiền thuê nhà... Tùy theo yêu cầu quản lý, đơn vị chủ quản áp dụng phương thức trả tiền thù lao thích hợp, chi trả tiền quản lý và tiền tu sửa, thực hiện thu chi đối với tiền thuê nhà và tiền quản lý.

b - Quản lý hợp đồng. Hợp đồng cho thuê xác định rõ vị trí, diện tích, kết cấu ngôi nhà, số người cư trú, tình trạng công trình đồng bộ và thiết bị, mục đích sử dụng và yêu cầu sử dụng, số tiền bảo đảm và các quy định hữu quan, tiêu chuẩn tiền thuê nhà và phương thức chi trả, thời hạn cho thuê, trách nhiệm tu sửa nhà cửa, trường hợp ngừng cho thuê và cơ chế rút lui, trách nhiệm khi vi phạm hợp đồng. Việc thanh toán tiền thuê nhà, tiền điện, nước, khí đốt, quản lý nhà đất... có thể áp dụng phương thức chi trả bằng thẻ tín dụng, ủy thác cho ngân hàng chi trả, đơn vị thu hộ...

c - Tăng cường phục vụ công cộng. Đối với các công trình xây dựng đồng bộ trong khu nhà ở tập thể cho thuê như nhà ăn, trung tâm hoạt động công cộng..., công ty phục vụ chuyên ngành kinh doanh theo nguyên tắc "bảo toàn vốn, lợi nhuận ít", các công trình thương nghiệp cung cấp dịch vụ thương nghiệp cho những hộ cư trú thông qua xã hội hóa, thị trường hóa.

d - Thực hiện tự quản lý. Dưới sự lãnh đạo của chính quyền phường, khu nhà ở tập thể cho

thuê thành lập các tổ chức như chi bộ đảng, công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ, hội sinh để có kế hoạch, ban cư trú cộng đồng..., thành viên các tổ chức này chủ yếu được cấu thành bởi những người thuê nhà, tùy theo đặc điểm của mỗi tổ chức để cung cấp các dịch vụ quản lý tương ứng.

3. Quy phạm công tác quản lý việc đề nghị, thẩm tra

Đối tượng cung ứng nhà ở tập thể cho thuê gồm ba nhóm sau: các gia đình khó khăn về nhà ở có thu nhập dưới mức trung bình trong thành phố, nhân tài được thu hút, công nhân thời vụ ngoại tỉnh. Các đối tượng thuê nhà có hộ khẩu thành phố có thể trực tiếp đề nghị với cơ quan bảo đảm nhà ở. Những đối tượng thuê nhà là nhân tài được thu hút về và công nhân thời vụ ngoại tỉnh, nêu đề nghị với cơ quan bảo đảm nhà ở địa phương thông qua đơn vị họ công tác. Nhà ở tập thể cho thuê được phân phối cho thuê tùy theo các đối tượng đề nghị khác nhau, do cơ quan bảo đảm nhà ở tiến hành thẩm tra, công bố kết quả, xác định đối tượng được thuê nhà, thứ tự lựa chọn nhà thông qua các phương thức công khai như chấm điểm, thẩm tra ngẫu nhiên, bốc thăm... và tổ chức phân phối nhà cho thuê, làm thủ tục. Trên cơ sở nghiên cứu tổng hợp trình độ phát triển kinh tế và xã hội, giá cho thuê trên thị trường, khả năng chấp nhận của người thuê nhà..., tiền thuê nhà ở tập thể cho thuê được xác định bằng khoảng 60 – 80% giá cho thuê nhà ở cùng loại trên thị trường tùy từng khu vực. Ví dụ, khu nhà ở tập thể cho thuê Hồng Đường đang xây dựng ở thành phố Ninh Ba có giá cho thuê hàng tháng là 9 - 12 NDT/ m², tiền thuê một căn hộ 40 - 60 m² là 400 - 600 NDT, trong khi giá cho thuê nhà ở tập thể cho thuê cùng loại trên thị trường là 15 NDT/m².

4. Quản lý chặt chẽ thời hạn và tiêu chuẩn cho thuê

Thời hạn thuê nhà ở tập thể cho thuê không được vượt quá 5 năm, nếu muốn tiếp tục thuê và phù hợp điều kiện cho thuê, người thuê phải

ký lại hợp đồng thuê nhà.

a - Xây dựng hệ thống quản lý thông tin về nhà ở tập thể cho thuê. Ngành chủ quản bảo đảm nhà ở cùng với các ngành hữu quan tiến hành kiểm tra hàng năm tình hình biến động về hộ khẩu gia đình, nhân khẩu, thu nhập, tài sản, nhà ở của những hộ được hưởng chính sách thuê nhà ở tập thể cho thuê, kịp thời nắm vững thông tin về người thuê nhà. Sau khi kiểm tra hàng năm, những gia đình không còn phù hợp điều kiện phải trả lại nhà. Trong trường hợp đặc biệt, các gia đình rõ ràng có khó khăn khi trả lại nhà có thể đề nghị xin gia hạn thuê nhà nhưng thời gian gia hạn không quá 3 tháng. Trong thời gian gia hạn, tiền thuê nhà được tính theo giá thị trường với cùng loại nhà cùng khu vực. Nếu sau khi hết thời gian gia hạn, người thuê không trả lại nhà, ghi vào hồ sơ tín dụng cá nhân của họ. Nếu người thuê từ chối không trả lại nhà, ngành chủ quản bảo đảm nhà ở đề nghị Tòa án cưỡng chế .

b - Dựa trên mặt bằng thông tin hóa, xây dựng hệ thống quản lý bằng thẻ điện tử cá

nhân. Phát hành một số thẻ tương ứng với số người thuê nhà (thẻ đồng thời có chức năng quyết toán các phí dụng như nộp tiền bảo đảm, tiền thuê nhà...). Người thuê nhà dùng thẻ này để ra vào tiểu khu, sử dụng thang máy, sử dụng dịch vụ công cộng. Ngành quản lý thuận lợi trong việc tăng cường quản lý lưu thông, hạn chế hiện tượng cho thuê lại nhà, kết toán tiền thuê nhà đúng thời hạn, quản lý nghiêm ngặt các khâu thuê nhà và trả lại nhà.

c - Khi đối tượng thuê nhà không trả tiền thuê nhà đúng thời hạn, không phù hợp với điều kiện thuê nhà, ghi vào hồ sơ tín dụng cá nhân của họ. Nếu người thuê nhà vi phạm hợp đồng hoặc có hành vi xấu, họ không được thuê nhà mang tính bảo đảm trong 3 – 5 năm tùy theo mức độ nặng nhẹ của tình tiết vi phạm.

Ban Xây dựng thành phố Ninh Ba

Nguồn: Tạp chí “Xây dựng đô thị và nông thôn” số 3/2011

ND: Hoàng Thế Vinh

Các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia và kiến trúc của các đô thị toàn cầu

Nền kinh tế toàn cầu hóa và cơ cấu quyền lực mới

Nhu cầu về kiến trúc đang ngày càng tăng cùng với sự đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án làm nảy sinh vấn đề cho rằng ngày nay hoạt động kiến trúc khó có thể triển khai trên phạm vi toàn cầu. Tuy nhiên, thực tế cho thấy không hoàn toàn như vậy. Các cơ cấu kinh tế mới đang giữ vai trò là những “cơ cấu quyền lực” chủ yếu và kiến trúc chịu ảnh hưởng mạnh của hình thức quyền lực phi truyền thống đó.

Ngày nay, các hoạt động của nền kinh tế thế giới nhận được sự ủng hộ đặc biệt của các tập đoàn xuyên quốc gia (TĐXQG) hùng mạnh. Các trung tâm quyền lực đó đang cạnh tranh thành công với các trung tâm quyền lực truyền thống là các nhà nước.

Vào lúc giao thời giữa thế kỷ 20 và 21 số lượng TĐXQG đã là 53.000 còn số lượng các chi nhánh của họ là 450.000.

Quyền lực của kinh tế toàn cầu đã và đang làm thay đổi mạnh kiểu văn hoá và xã hội mà đã tồn tại gần 2.000 năm nay và được hình thành theo nguyên tắc của nền văn hoá Hiện đại lớn. Trong quá trình được tiếp thêm sức mạnh, hiện tượng kinh tế - xã hội này đã có được đáng đáp không gian đặc trưng.

Các cấu trúc hình thái - không gian mới nhất đã ra đời tại các đô thị toàn cầu (ĐTTC) và chính các ĐTTC lại trở thành nơi tập trung của các trung tâm quyền lực hiện đại, sẵn sàng cho việc quản lý sự phát triển của thế giới. Tuy nhiên, ĐTTC lại không phải là siêu đô thị đang trong quá trình phát triển.

Đô thị toàn cầu

Các trung tâm quyền lực kinh tế mặc dù mang đặc tính xuyên quốc gia và được bố trí dưới dạng mạng lưới, thế nhưng vẫn được gắn kết với vị trí địa lý và được thể hiện về mặt xã hội - không gian. Do vậy, ngày nay chúng ta vẫn có thể nói về sự xuất hiện của các cấu trúc xã hội - không gian đặc biệt ít tuân theo lô gích truyền thống trong thiết kế phát triển đô thị. Các cấu trúc mới đó chính là các ĐTTC.

Nhà xã hội học Mỹ Sassen S. trên cơ sở nghiên cứu các đặc trưng của quá trình toàn cầu hoá đã nêu ra những đặc tính sau đây đặc trưng cho ĐTTC:

1. Sự phân chia phức tạp đối với hoạt động kinh tế của các tập đoàn hàng đầu thế giới theo vị trí địa lý dẫn đến sự tăng cường tập trung các chức năng quản lý và kiểm soát ở cấp cao mà được tập trung vào các trụ sở của các TĐXQG trong khi đó các trụ sở được bố trí trong môi trường tích hợp thì quá trình quản lý sẽ thuận lợi hơn và hiệu quả hơn.

2. Sự quá tải về chức năng tại các trụ sở của TĐXQG buộc các TĐXQG phải chia sẻ công việc cho các cty dịch vụ chuyên môn thực hiện qua đó một số lượng lớn các cty dịch vụ chuyên môn này bị lôi cuốn tham gia vào mạng lưới thị trường phức tạp. Các cty này sau đó lại được bổ sung thêm các chức năng văn hoá do vậy họ cũng muốn được bố trí tại các trung tâm lớn của đô thị khiến cấu trúc của các trung tâm này bị thay đổi mạnh.

3. ĐTTC được hình thành như một bộ phận của mạng lưới xuyên quốc gia bao gồm các đô thị được liên kết với nhau về kinh tế; xét về ý nghĩa này thì ĐTTC tương phản rõ nét với đô thị đã từng là thủ đô của một quốc gia.

Như vậy, ĐTTC là một địa điểm mang tính ưu tú của hành tinh, chủ yếu là do đó là nơi bố trí trụ sở của các TĐXQG lớn nhất thế giới cùng với các cty vệ tinh với số lượng đang không ngừng tăng lên của các tập đoàn này. Hệ thống đang hình thành từ các đô thị trung tâm của nền kinh

tế thế giới tương thích với cấu trúc dạng mạng lưới của các mối liên kết do hệ thống này không bị phụ thuộc vào đường biên giới quốc gia.

Phân cấp của các đô thị toàn cầu

Theo các nhà địa kinh tế, hệ thống các ĐTTC có 4 cấp. Trên cấp cao nhất có các thành phố Luân Đôn, New York, Pari và Tokyo. Cấp thứ hai có các thành phố: Phran-phước trên sông Mai-nơ, Mi-lan, Lốt Angiolet, Oasinhton, Xingapo và Hồng Kông. Ngoài ra còn có 55 ĐTTC thuộc cấp khác và 67 thành phố có đầy đủ tiềm năng trở thành ĐTTC trong tương lai trong đó có thành phố Mátxcova.

Kiến trúc sư và các tập đoàn xuyên quốc gia

Ngày nay, kiến trúc cũng cần góp phần duy trì một hiện thực xã hội trong đó thể hiện không chỉ chính sách của nhà nước mà cả hệ tư tưởng của nền kinh tế toàn cầu. Kiến trúc là một lĩnh vực tích cực tham gia việc xác định sự tồn tại của các trung tâm quyền lực kinh tế hiện đại trong đó chức năng văn hoá là một chức năng hàng đầu của kiến trúc trong thế giới đang toàn cầu hoá.

Pier Burdio đề xuất khái niệm “không gian xã hội” và coi không gian này là trường năng lượng phức tạp nảy sinh trong sự đối lập gay gắt của các lĩnh vực quyền hành có sức mạnh như kinh tế, văn hoá, xã hội đồng thời đang muốn được thể hiện vào không gian vật lý. Chúng ta sẽ xem hệ thống lý luận này đang biến thành hiện thực như thế nào trong các ĐTTC.

Ở đây không gian xã hội là hiện tượng có hai mặt. Trong quá trình tìm cách để có được và tăng cường sức mạnh tổng hợp từ sự áp dụng cái mới, hiện tượng này dường như không bền vững và bị phụ thuộc về mặt kinh tế. Tương ứng với nó, không gian vật lý được hình thành theo hướng ngay từ đầu đã xa rời truyền thống của bản địa và đi tìm các hình thức thể hiện mang tính trung hoà về quốc gia.

Hình thức mới của chủ nghĩa thế giới đặc trưng cho toàn bộ lĩnh vực kinh tế đang đi vào

hoạt động kiến trúc và tìm được sự thể hiện của mình nhờ có sự thay đổi thái độ của kiến trúc sư đối với tính truyền thống. Phải chăng vì thế mà trong quá trình đẩy mạnh sự phát triển của chiều hướng xuyên quốc gia, ngay từ những năm 1980 mặc dù cá biệt một số kiến trúc sư đã đạt được những đột phá ngoạn mục trong việc tìm kiếm các hình dáng mới, thế nhưng nhìn chung chiều hướng muốn xem xét lại thậm chí hạ thấp văn hoá kiến trúc mang đặc tính truyền thống đã xuất hiện? Sự xây dựng nên những công trình nhằm mục tiêu tôn vinh hay còn được gọi là công trình biểu tượng, việc nghiên cứu thị trường và chính sách bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cùng với sự xuất hiện nhiều kiến trúc sư có “thương hiệu” đã trở thành trọng tâm của một hiện tượng đang phát triển nhờ sự hỗ trợ của hệ tư tưởng tự do mới cùng với sự sùng bái lợi nhuận của hệ tư tưởng này.

Kiến trúc của các đô thị toàn cầu

Việc nghiên cứu không gian và kiến trúc của các ĐTTC đã phát hiện được những gì? Khi giải thích lý thuyết của mình về “không gian của các dòng chảy”, nhà xã hội học nổi tiếng Manuel Castells viết: “Đô thị toàn cầu không phải là địa điểm mà là quá trình. Đây là một quá trình mà thông qua nó các trung tâm chuyên cung cấp và tiêu thụ các dịch vụ mang đặc tính phát triển và cộng đồng địa phương giữ vai trò phụ trợ tại các trung tâm này, được gắn kết vào mạng lưới toàn cầu dựa trên các dòng thông tin đồng thời cắt đứt mối quan hệ với các khu vực nằm cách xa các trung tâm công nghiệp”. Sự phát triển của cấu trúc dạng mạng lưới của các mối quan hệ mang tính xã hội vào không gian vật lý là một điều không tránh khỏi bởi vì toàn bộ cấu trúc của các mối quan hệ kinh tế giữa các TĐXQG đều được xây dựng trên cơ sở dạng mạng lưới. Khi xem xét các loại hình kiến trúc biểu trưng cho các ĐTTC chúng ta sẽ xem xét đặc thù về sự thể hiện của dạng không gian xã hội trừu tượng và mới mẻ này trong không gian vật lý.

Quá trình phát triển của hiện tượng xã hội về quyền lực kinh tế vô hình làm nảy sinh trong ĐTTC ít nhất hai loại môi trường là môi trường của “câu lạc bộ những người ưu tú được lựa chọn” và môi trường (nằm ngoài ranh giới của môi trường trên) dành cho những con người “quần chúng”. Môi trường đô thị vừa bị phân mảnh lại vừa được gắn kết do các mảng xã hội khác nhau đã được gắn kết một cách khó nhận thấy vào một cấu trúc thống nhất dạng mạng lưới. Đây cũng chính là vấn đề mà các kiến trúc sư đang phải giải quyết.

Cảnh quan của ĐTTC gồm có hai loại hình kiến trúc tôn vinh. Loại hình thứ nhất được gọi là kiến trúc tôn vinh ưu tú (mang đặc tính trung hoà - ẩn danh thể hiện cho kiến trúc trụ sở TĐXQG). Loại hình thứ hai ngày nay được biết đến với tên gọi là kiến trúc biểu tượng trình diễn. Loại hình kiến trúc này quảng bá rộng rãi và có phần áp đặt cho sự thành công, ủng hộ các lợi ích kinh doanh thậm chí tự cho mình là một dạng hàng hoá. Kiến trúc biểu tượng được cụ thể hoá trong các công trình được xây dựng theo đề xuất của rất nhiều cty vệ tinh của các TĐXQG (có nghĩa là các công trình đó được các cty dịch vụ thuê); các công ty vệ tinh đó rất ưa chuộng môi trường sống sôi động có chất lượng cao, lại được bổ sung thêm nhiều công trình có sức hấp dẫn đặc biệt - đây là một môi trường có khả năng duy trì được trình độ văn hoá nhất định, mức độ trang thiết bị thông tin và tiện nghi cho sự hiện diện của các công ty này cũng như cho những người khách của ĐTTC.

Sự khác biệt lớn trong các đặc tính hình tượng của hai loại kiến trúc nêu trên của chủ nghĩa toàn cầu hoá nói lên rằng chủ đầu tư ưa chuộng không chỉ tính thẩm mỹ mà cả tính biểu tượng từ đó cho thấy rõ ràng là nó tương hợp với chương trình toàn cầu hoá nói chung và sự mã hoá môi trường nói riêng.

Kiến trúc tôn vinh ưu tú

Như vậy, hạng cao nhất của “câu lạc bộ những người ưu tú được lựa chọn” được thể hiện

bằng kiến trúc tôn vinh ưu tú - kiến trúc trụ sở TĐXQG. Về mặt vật lý, do được trang bị nhiều loại thiết bị vi điện tử và viễn thông nên các công trình này được tập trung vào các mảng trong các “đầu mối” của hệ thống mạng lưới, xét về mặt chiến lược rất có ý nghĩa đối với giới kinh doanh trong cộng đồng mạng, điều đó có ý nghĩa quyết định đối với đặc thù bố trí các công trình trụ sở cao cấp và tính không tiếp cận được của các công trình đó.

Theo Manuel Castells, trong môi trường của giới “thông tin” ưu tú mới thì phong cách sống theo quy cách là phổ biến dẫn đến sự xem nhẹ các ranh giới văn hoá truyền thống. Thêm vào đó, yêu cầu duy trì sự giống nhau về văn hoá tại các đầu mối khác nhau của không gian nêu trên được thể hiện trong tính đồng thể về kiến trúc của chính bản thân các đầu mối đó. Sự đồng nhất về kiến trúc của các trung tâm quản lý mới tại các cộng đồng khác nhau đã chiếm ưu thế.

Sự ưa chuộng kiến trúc ưu tú bị hấp dẫn bởi sự khổ hạnh hình thức của trường phái hiện đại bậc cao cùng với thẩm mỹ góc thẳng của nó, bởi sự siêu hình của các mặt trước bằng đá của tác giả Ludwig Mies van der Rohe hoặc tính hoành tráng Ai Cập trong các công trình của Luis Kane, các động cơ mang tính thận trọng - khắt khe theo phong cách Art-Deco thời gian gần đây. Ở đây chủ nghĩa thế giới được khẳng định thông qua sự lựa chọn phong cách kiến trúc quốc tế đã được thừa nhận và trở thành biểu tượng chính cho bản chất văn hoá xuyên quốc gia của các giới ưu tú. Bộ mã theo kiểu của nó cũng đã xuất hiện mà nhờ đó thể chế xã hội được chú trọng.

Để minh chứng cho những điều đã được nêu ở phần trên sau đây chúng ta sẽ xem xét một vài công trình xây dựng điển hình của các TĐXQG lớn - trụ sở của các tập đoàn tài chính và tài chính - công nghiệp quốc tế. Đó là toà nhà trụ sở của các tập đoàn như: City Group ở New York, Phillips ở Amxtecđam, Hewlett-

Packard ở Caliphornia, Proctor and Gamble ở thành phố Cincinnati (Mỹ), Samsung Group ở Seoul, Hytachi ở Tô-ki-ô, HSBC Tower ở Luân Đôn (tác giả: KTS. Normann Forster). Nổi bật nhất là toà nhà của Tập đoàn City Group ở Luân Đôn do các KTS Foster và Pelly thiết kế.

Có thể nói rằng các ô phố thương mại tại các ĐTTC ở khu vực Đông Nam Á ví dụ ở Xingapo chẳng hạn, xét theo các đặc tính hình dáng rất ít khác biệt so với khu Manhattan ở Niu oóc hoặc thậm chí khu Canary Wharf ở Luân Đôn. Ở đây kiến trúc mang hình dáng của chiếc hộp bao bọc cẩn thận các bí mật của tập đoàn. Ngay cả một số công trình mặc dù đã có sự chuyển dịch nhất định về phía phong cách Hậu hiện đại thì bộ mặt kiến trúc của nhiều toà nhà nhìn chung vẫn chưa thoát khỏi sự hoành tráng chặt chẽ và được bổ sung một số chi tiết hào nhoáng nhưng chưa có giá trị thực sự.

Kiến trúc biểu tượng trình diễn

Kiến trúc biểu tượng thế hệ gần đây thường có nguồn gốc số với các đặc tính như gây ấn tượng, mới lạ và huyền bí.

Những người khởi xướng cho sự phát triển trên quy mô rộng của dạng kiến trúc bí ẩn này là các cty vệ tinh của các TĐXQG lớn đang nổi bật lên nhờ sự thành công về kinh tế và thực hiện các chương trình văn hoá mới tại các ĐTTC như các khách sạn feshenebelnuyee, các bảo tàng kiến trúc hiện đại, các trung tâm thương mại, các thư viện truyền thông và các trung tâm văn hoá - thư viện, các công viên chủ đề,...

Trong số những mẫu tốt nhất của kiến trúc biểu tượng trình diễn phải kể đến công trình toà tháp khổng lồ bọc kính “Tower Verre” được xây dựng tại Manhattan và Bảo tàng nghệ thuật hiện đại tại New York. KTS. Foster đã tạo ra những công trình mang tính tôn vinh khổng lồ mới giúp duy trì uy tín của thành phố này như một trung tâm toàn cầu. Kiến trúc sư này cũng nổi tiếng với trụ sở của Cty Swiss Re ở Luân Đôn (toà nhà hình quả dưa chuột), sân bay Chek Lap Kok ở Hồng Kông và công trình

Reichstag ở Berlin.

Kiến trúc biểu tượng tiếp nhận các đặc tính của sự hào nhoáng nhưng chưa có giá trị thực sự được hỗ trợ bởi hệ tư tưởng bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. KTS. Remment Koolhaas (Hà Lan), Cty Kiến trúc “Hezog & de Meuron”, KTS. Katsuyo Seymo đã thiết kế các toà nhà mang tính biểu tượng có thương hiệu dành cho các cửa hàng nhỏ “Prada” trong các thành phố đang toàn cầu hoá. Trong số các công trình mang tính thương hiệu phải kể đến toà nhà mới xây dựng của Cty Selfridges tại thành phố Birmingham do Cty Future Systems thiết kế và toà nhà mang tính biểu tượng với hình trăng lưỡi liềm “Crescent Moon Tower” tại Công viên Zaabik của Dubai (do Cty Mỹ Transparent House lập).

Các hình dáng khác thường do máy tính vẽ ra dễ được đưa vào sân chơi toàn cầu của lĩnh vực kiến trúc. Ví dụ, hình dáng khác lạ của trái cây Mango Ấn Độ được các kiến trúc sư của Xưởng thiết kế Chimera sử dụng trong thiết kế các toà nhà cao tầng ở vùng ngoại vi Luân Đôn.

Sự tích lũy năng lượng trong kiến trúc biểu tượng do các kiến trúc sư nổi tiếng và các cty có trình độ chuyên môn cao sáng tạo ra, không thể so sánh với năng lượng học đã đi vào lịch sử bối cảnh xây dựng đô thị. Tính không lặp lại và sự nhận thức của các hình bóng là một trong những chất lượng ký hiệu của các công trình biểu tượng của ĐTTC.

Kiến trúc biểu tượng được thừa nhận là yếu tố trung gian cho sự thành công về kinh tế. Nếu trong nhiều thế kỷ, chất lượng của môi trường đô thị là kết quả của sự thành công trong lĩnh vực kinh tế đô thị thì ngày nay ngược lại tiền đề cho sự thành công trong lĩnh vực kinh tế lại là tính thu hút của không gian.

Để kết luận cần nhấn mạnh rằng hệ thống kinh tế thế giới mang tính xuyên quốc gia, tập trung tại các đô thị và hoạt động dưới hình thức mạng lưới. Sự gắn kết các đô thị mới là các ĐTTC và các đô thị đang toàn cầu hoá đã trở thành một cấu trúc có sức mạnh và trong quá

trình hỗ trợ cho cấu trúc đó kiến trúc giữ vai trò tượng trưng và xã hội có tính xây dựng.

Kiến trúc tôn vinh kết hợp trong nó hai bộ mã là bộ mã thận trọng mang đặc tính lịch lãm của phong cách hiện đại trình độ cao và bộ mã bí ẩn được thể hiện trong các công trình biểu tượng gây ấn tượng mạnh. Kiến trúc biểu tượng trình diễn tỏ rõ sự trội hơn về số lượng so với kiến trúc hiện đại ưu tú do kiến trúc biểu tượng trình diễn là sự hiện thân của chiến lược tiến công của chủ nghĩa toàn cầu hoá. Kiến trúc biểu tượng được sử dụng đồng thời cả trong văn cảnh khôi phục các đô thị cổ và cả trong khôi phục các vùng bị phá huỷ khiến cho chính sách toàn cầu hoá của bản thân kiến trúc trở nên hai mặt.

Chúng ta có thể nhận thấy sự hình thành của một cảnh quan kiến trúc của trái đất được đổi mới mà trong những điều kiện nhất định có tác dụng kích lệ cư dân của trái đất và trở thành vườn ươm cho những cái mới về kiến trúc. Đặc thù của cảnh quan kiến trúc này là nó được tập trung cao tại các trung tâm quyền lực hiện đại là các ĐTTC và ấn định tính hay thay đổi của cấu trúc mạng lưới của “không gian của các dòng chảy”.

Công nghệ làm tăng thêm sức mạnh của kiến trúc. Sự trực cảm trong lô gích nghiệt ngã về phát triển công nghệ trong khi biểu lộ những khả năng có giới hạn của con người, đã nhận được sự ủng hộ của kiến trúc. Do vậy, kiến trúc sẽ không tránh khỏi sự hướng tới các thực nghiệm với các hình dáng không do bàn tay con người làm ra, sẽ phát triển vươn lên cao, còn các đô thị thì bắt buộc phải tìm kiếm các nguồn lực cho sự nén chặt đô thị.

Sự hình thành của môi trường trong các ĐTTC được gắn kết chặt chẽ với sự hình thành của kiến trúc biểu tượng thế hệ mới - một lĩnh vực kiến trúc mà đặc trưng bởi tính phức tạp cao của các ngôn ngữ hình thức. Hiện nay, sự phát triển về mặt số lượng của kiến trúc trình diễn vẫn tiếp tục diễn ra; khu vực địa lý của nó là tất cả các châu lục trên thế giới. Sau khi bị mất các

mối liên kết với quá khứ lịch sử, thì kiến trúc biểu tượng dù có mới lạ đến thế nào đi chăng nữa nó sẽ vẫn thống nhất hoá môi trường và không mang nét đặc sắc về văn hoá của các đô thị cổ. Thêm vào đó nền kiến trúc biểu tượng trình diễn đang trở thành nền kiến trúc mang tính quốc tế đứng thứ hai chỉ sau có kiến trúc theo chủ nghĩa Hiện đại. Thế nhưng, sự sáng tạo trên quy mô lớn những điều mới lạ có thể trở thành một chiến lược bế tắc. Trước hết tốc độ rất cao của việc áp dụng loại hình sản phẩm sáng tác này chỉ làm cho khả năng xảy ra khủng hoảng về thể loại ngày càng đến gần hơn. Quá trình đó mà lại được sự hỗ trợ của chủ nghĩa bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng sẽ khó tránh khỏi rơi vào mâu thuẫn với phép siêu hình trong tổ chức không gian cho cuộc sống của con người.

Rất khó nghĩ ra kịch bản cho sự phát triển có thể có bởi vì sự bắt đầu của một kỷ nguyên mới mang tính cách mạng là một hiện thực đang diễn ra mà sẽ phi lý nếu không tính đến điều đó. Tuy nhiên, hoàn toàn có thể có những kịch bản diễn ra một cách tự nhiên về sự tự tổ chức xã hội và không gian. Với ý nghĩa đó, không có gì đáng ngạc nhiên khi tại các siêu đô thị lớn đã xuất hiện sự tự di cư của người dân đô thị ra sống ở vùng ngoại vi.

Một dạng kịch bản khác mà khó có thể xảy ra là kiến trúc với vai trò là lĩnh vực nắm giữ các bộ mã ngôn ngữ của môi trường trở thành công

cụ phục vụ cho việc kiểm soát, điều tiết và tuần hoàn các dòng thông tin đang góp phần làm hình thành môi trường mới của đô thị. Cũng có thể giả định rằng việc phát triển một sự lựa chọn cho các nguyên tắc mang tính toàn cầu đối với sự phát triển của các đô thị sẽ tạo điều kiện cho sự tập trung của các chuyên gia vào triết lý của chủ nghĩa khu vực cực đoan thập niên 1970 (mà nổi bật là chính sách kiến trúc của Thụy Điển) hoặc vào các ý tưởng của chủ nghĩa đô thị hoá mới. Ví dụ, các kiến trúc sư Hà Lan đang phát triển một kịch bản tương đối cương quyết cho sự lựa chọn sáng suốt đối với không chỉ chủ nghĩa toàn cầu mà cả với chi phí của chủ nghĩa toàn cầu; kịch bản này đối lập với tính khó cưỡng nổi của sự bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Thành công của loại hình chiến lược này một mặt là do sự đánh giá đúng có căn cứ đối với thực trạng hiện nay của xã hội, văn hoá, kinh tế, chính trị, mặt khác là do khôi phục được ý nghĩa vốn có của nhân loại đối với kiến trúc mà đã bị mất đi và đến nay chỉ bảo tồn được những âm hưởng của phép siêu hình đã lĩnh hội được.

Irina Aleksandrovna

*Nguồn: Tạp chí Kiến trúc và xây dựng
Matxcova, số 3/2010*

Dịch và biên tập: Huỳnh Phước

HỘI THẢO

TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN XÂY DỰNG

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2012



Thủ tướng Nguyễn Thanh Nghị phát biểu chỉ đạo Hội thảo



Toàn cảnh Hội thảo